

Thánh - Kinh Báo



ĐÁ XÂY NỀN

KHÔNG cứ ở thời-đại nào, địa-vị nào, dân mọi-rợ cũng như giống văn-minh, kẻ ăn lông ở lỗ ngày xưa cũng như người cỡi máy bay bây giờ, thấy đều cần có ba vầng đá để xây nền sanh-sống: kiếm cơm no bụng, tìm phước yên hồn, và giữ mình khỏi tội. Mà món thứ ba này lại là một cái năng-lực mầu-nhiệm và siêu-nhiên, chính kẻ vô-thần cũng phải dẫn lòng tin-nhận. Trong bài cầu-nguyện mầu-mực, lạ-lùng thay, Đức Chúa Jê-sus hiểu-biết và giải-tỏ ba sự cần-dùng ấy. Trời thanh, gió mát, trên hòn núi đá cheo-leo, Ngài đang chuyên tâm giảng đạo, môn-đồ bỗng hỏi phương-pháp cầu-xin. Sẵn dạ nhơn-từ, Ngài vội chuyển đề dạy-dỗ (Ma 6: 9-13).

MIỆNG THÊM ĂN

«**X**IN cho chúng tôi hôm nay đồ-ăn đủ ngày.» Phải, đó là món cần thứ nhất. Chẳng thế, sao con đở mới lọt lòng đã đòi bú, ông già gần xuống lỗ cũng còn ăn? Kia, phản bạn, lừa thầy, hại người, cướp của, lăm phen chỉ tại nồi cơm! Rất dỗi có người bán rẻ linh-hồn, miễn được nhồi phồng bao-tử. Nhưng nhơn-loại chưa nhận-biết Thánh-Chúa có thể cứu mình khỏi vòng ăn tối lo mai. Sau khi bỏ tà theo chánh, họ mới gục vào trái tim Đấng «biết các người cần sự gì,» mà yên-nghỉ, mà mở miệng kêu-cầu: «Xin cho... đồ-ăn đủ ngày.»

ÓC ĐỪNG RỜI

«**X**IN cho chúng tôi,» chớ không phải «xin cho tôi.» Bốn chữ đơn-sơ này, lọt bỏ được hết tinh-thần vị-kỷ. Ở vị-kỷ! Mấy đời thi-thố ra tranh-cạnh, khiến loài người làm trái luật vàng: «Các người muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người ta thế ấy» (Lu 6: 31). «**Hôm nay,**» chớ không phải «**ngày mai.**» Bao quỉ lo-lắng phá tan mảnh hồn bình-tĩnh, chỉ vì ta muốn biết ngày mai mình có được no cơm ấm cật hay chẳng. Mỗi lần ngồi xe dạo chơi, bà nọ, trống ngực thình-thình, e phải qua cầu và cầu gãy. Muốn dẹp cơn sợ-hãi băng-quơ, chồng bà nói: «Lẽ nào qua cầu trước khi chưa đến bờ sông?» Thế thì tin-dồ Chúa cũng đừng tính quẩn lo quanh như bà kia cho mệt óc.

NHƠN-LOẠI cũng cần được tha tội, ngõ hầu tâm-linh bình-tĩnh suốt đêm ngày. Chẳng còn chi ta dám từ-nan để bôi-xóa bức tranh tội đã in sâu vào trí nhớ. Loài người tối-cổ dường cũng nhận-biết rằng chết chưa phải là hết, vì hiệp cùng cây thịt còn có mảnh hồn. Một nhà trước-thuật trứ-danh đã nói: «Ai cũng có quan-niệm về tội-ác. Cả loài người đều cảm-biết trong tinh-thần mình có cảnh rối-loạn, cơn chiến-tranh và sự mòn-mỏi. Xao-xiển mầu-nhiệm, bối-rối vẩn-vơ, và buồn-rầu luẩn-quẩn đều là dấu-hiệu loài người công-nhận mình thuộc về một thế-giới cao hơn thế-giới hữu-hình.» Dẫu được tự-do chọn lành bỏ dữ, họ cũng phải đồng-thình với Thánh Phao-lô: «Khi tôi muốn làm điều lành, thì điều dữ dính-dấp theo tôi» (Rô 7: 21). Họ không có năng-lực để ăn-ở trái lòng hư-hoại cho tới khi cầu-nguyện bởi đức-tin thơ-ngây như trẻ con: «Xin tha tội-lỗi cho chúng tôi,» và nhờ của-lễ vãn-hồi của Đấng Christ mà được bình-yên khoan-thứ.

TỘI MONG TRÁNH

LOÀI người còn cần phải được cứu khỏi **tội-khiên** hoặc **ma-quỉ**. Quay-lộn theo luồng vật-chất, dập-dội với sóng cạnh-tranh, người văn-minh cảm-biết hai năng-lực kia không thấm-thía bằng dân mọi-rợ. Đối với các bộ-lạc ở góc núi xó rừng, lòng kinh-khiếp quỉ-thần có ảnh-hưởng tê-bại đến cuộc sống-còn giản-dị. Tuy sự cảm-biết đó có lẽ không quen tấm lòng của kẻ giơ cẳng khồng-lồ đi đường tiến-hóa, song quyền-phép kín-giấu và lớn-lao của tội-ác vẫn hoành-hành trong bốn biển năm châu. Đông-tướng Phao-lô tuyên-bố: «Vi chúng ta đánh trận chẳng phải cùng thịt và huyết, bèn là cùng chủ-quyền, cùng thế-lực, cùng vua-chúa của thế-gian mờ-tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời vậy» (Êph. 6: 12). Sa-tan là một ngôi-vị có oai to quyền lớn, đứng đầu một nước thế-lực góm-ghè. Muôn-vàn ác-thần châu-chực xung-quanh nó, quyết làm theo ý-muốn hung-tàn, dẫu phải nhập vào người cũng không ngại. Tiếc thay, biết bao kẻ, nhứt là phụ-nữ, bị dẫn-dụ cúi đầu quỉ gối thờ-lạy tà-ma! Ta phải sốt-sắng kêu-cầu: «Xin... cứu chúng tôi khỏi đều ác,» vì lăm phen «chính quỉ Sa-tan mạo làm thiên-sứ sáng-láng» (II Cô 11: 14), để đỡ-dành những người được lựa-chọn và những thánh-đồ của Đức Chúa Trời.

PHƯỚC NÊN CHIA

NGUYỆN mỗi độc-giả nhập vào gia-quyển Đức Chúa Trời bởi tin Đức Chúa Jêsus, để được phép nài-xin dạn-dĩ: «Xin cho chúng tôi hôm nay đỡ-ăn đủ ngày; xin tha tội-lỗi cho chúng tôi... Xin...cứu chúng tôi khỏi đều ác.» Như vậy, lòng hết lo-lắng, hồn được bình-an, thần-trí không còn ghê-sợ quỉ dữ vẩn ức-hiếp bao người từ lúc ra đời tới khi hấp-hối. Chẳng bao lâu «Đức Chúa Jêsus sẽ từ trời hiện đến với các thiên-sứ của quyền-phép Ngài, giữa ngọn lửa hừng, báo-thù những kẻ chẳng hề nhận-biết Đức Chúa Trời, và không vâng-phục Tin-lành của Đức Chúa Jêsus-Christ» (II Tê 1: 8). Khi ấy, «ma-quỉ... bị quăng xuống hồ lửa và diêm,... phải chịu khổ cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời» (Khải 20: 10). Ngày Chúa cai-trị thế-gian đã gần rồi, chúng ta sẽ được cùng Ngài đồng hưởng thái-bình hạnh-phước. Hãy tung hi-vọng vẻ-vang ấy lên! Ai muốn hứng lấy, xin giơ tay ra.—*T K B*



AI BIẾT?

(Rô-ma 6 : 23)

MỤC-SU LÊ-VĂN-THÁI, CHỦ-NHIỆM HỘI TIN-LÀNH, ĐỊA-HẠT BẮC-KỲ

TRONG thời-buổi này, cả loài người tìm phương kiếm kế để biết những điều chưa biết. Ai biết nhiều, ấy là người tài-giỏi. Thế-gian có trăm ngàn nguyên-tắc, kể lâu-thông cái này, người tinh-tường việc kia. Dầu vậy, mở bộ toàn-sử thế-giới ra nghiên-cứu, có vô số nguyên-lý trong vũ-trụ mà loài người chưa biết được. Nhưng, về điều không biết, thì người ta thường nói: «**Có trời biết.**» Bởi vậy, ngoài sự sáng của Đấng Thượng-đế, tức Đức Chúa Trời ra, ai hiểu được đời sống của loài người thế nào?

I. Điều gì ngăn-trở người ta làm lành?

Theo tâm-lý chung, thì ai cũng muốn làm lành, lánh dữ. Nước nào cũng có luật-pháp, nhà nào cũng có gia-pháp, các nơi đều có đạo của loài người lập ra chuyên-cần dạy-dỗ để ngăn-ngừa điều ác, khuyến-khích người tấn bước trong công-việc lành. Than ôi! lạ thay, thường thấy trong khắp cả thế-gian hay xảy ra nhiều lần thảm-kịch đáng thương, ít thấy điều thiện xuất-hiện. Tại sao? Các phương-pháp của loài người dùng đó, bề ngoài có vẻ trang-nghiêm, nhưng kỳ-thật không thể giúp người làm điều thiện. Kìa, lời nhà văn-sĩ trứ-danh, là Phao-lô, rằng: «Tôi có ý muốn làm điều lành, nhưng không có quyền làm trọn.» Như vậy, điều gì

ngăn-trở người làm lành? Có người trả lời rằng: «Bởi bọn hạ-lưu vô-học, nói bậy, làm càn, trái luân-lý, ngược cha, khinh mẹ, phản bạn, lường thầy.» Kẻ khác: «Bởi hạng người học-thức



MỤC-SU LÊ-VĂN-THÁI

dùng văn-chương học-thuật và quyền-vị mà lêu đời, chớ chính bọn đó chẳng làm theo các điều của mình đã nói, nên họ thường dùng câu này: 'Hãy làm theo điều tôi nói, chớ làm theo điều tôi làm.'» Cũng có người bảo rằng: «Bởi số người đạo-dức nửa mùa, thay-đổi y-phục, luyện-tập lời nói, chớ lòng khô như đá cuội không thể thấm nước, thật như lời Đức Chúa Jê-sus phán: 'Các người giống như mồ-mả

tò trắng bề ngoài cho đẹp, mà bề trong thì đầy xương người chết và mọi thứ dơ-dáy.'» Có người lên án cho bọn tự xưng mình theo lương-tâm, mà làm nhiều điều trái với đạo-dức. Nếu có ai hỏi tại sao làm vậy, thì bọn đó trả lời một cách gọn-gàng rằng: «Tôi không thể trái với lương-tâm được.» «Chớ hề lừa-dối mình,» lương-tâm chiều theo luân-lý, luân-lý thay-đổi tùy phong-tục. Đồ vạ cho các hạng đó cũng có lẽ, song chưa phải là chơn-lý. Vì tội-lỗi đã chiếm lòng người, nên loài người ở dưới quyền nó!

Bởi vậy, thường thấy những thảm-kịch đáng thương, tàn lụn, bại lý, đầy mưu đủ kể gian-hùng, đâm-giết, tự-sát,

ò-uế, tràn-lan như nước phủ bờ. Tôi không thể cứ kể mãi, vì ghê mình sồn ọc lắm. Vì sao có sự ghê-gớm đó? Vì tội-lỗi. Hiện nay tội-lỗi trong thế-gian đã chiếm địa-vị trọng-yếu trong người từ-chối Chúa Jêsus. Bởi có ấy, nên người không thể làm điều lành mình muốn. Sách nho có câu rằng: «Nhơn chi sơ, tánh bần thiện.» Cái tánh đó đã bị tội-lỗi đánh bại rồi. Dầu cho luân-lý, khoa-học, triết-lý, văn-minh hiệp lại mà khuyên cái tánh vốn thiện của người cố gắng lên cũng không công-hiệu gì. Vì nó đã bị thua tội-lỗi, tội-lỗi làm chủ nó. Chỉ cần cứu nó ra khỏi quyền của tội là đủ. Kinh-thánh rằng: «Đức Chúa Jêsus-Christ đã đến trong thế-gian để cứu-vớt kẻ có tội, ấy là lời chắc-chắn, đáng đem lòng tin trọn-vẹn mà nhận lấy» (I Ti 1: 15).

II. Điều gì phá-hại loài người?— Tội-lỗi!!!

Thuở xưa người ta sống tám, chín trăm năm, như ông Mê-tu-sê-la sống 969 tuổi (Sáng 5: 27). Khi tội-lỗi tràn vào, sự sống của người càng ngày càng bớt. Nếu người cứ sống mãi, thì tội-lỗi càng chất-chứa thêm nhiều, như mỗi ngày lấy một hòn đá bỏ trước nhà, lâu năm thành núi. Vì tội-lỗi đã bớt sự sống và làm mất lạc-thú của loài người, nên ai cũng than-phiền về số-phận của mình ra đời như chỉ thấy cái buồn mà không biết cái vui: mới ra khỏi lòng mẹ, đã dùng ba tiếng khóc chào đời, để biểu-hiệu đời người là khổ, buồn, đáng chán. Tôi thường nghe người ta than rằng: «Đời tôi sao buồn thế này!» Có nhà nào mà buồn-bực chẳng vào? Có lòng nào mà âu-sầu chẳng đến? Có người tưởng «bởi kiếp trước nặng tội, nên kiếp này phải chịu quả-báo.» Không phải kiếp nào cả, chỉ vì tội-lỗi thôi!

Tôi xin kể chuyện một người tên là *George Tinckham*. Ông làm quan tòa ở thành *Boston* và cũng có chơn trong toàn-quốc hội-nghị nước Mỹ. Ông có địa-vị thật danh-giá, lại thêm một cái

gia-tài rất lớn, trong nhà chẳng thiếu vật gì. Thế mà, tội-nghiệp, ông không vui! Bởi không vui, nên *George Tinckham* đã đi vòng quanh thế-giới hai lần dặng tìm vui. Ông đã tổ-chức cuộc săn-bắn ở Phi-châu, ở Ấn-độ, cuộc ca ở *Islande*, cuộc đi bộ qua đám rừng *Bavière*, cuộc bẻ mạn hái đào ở các xóm bình-khang tại *Paris* và *Berlin*, cuộc khiêu-vũ ở thành *Vienne* nước Áo, cuộc nhắm rượu ở các quán xưa bên nước Anh. Cơ-khở! đến năm ông 58 tuổi, có người hỏi ông rằng: «Trong đời sống ông có tìm được sự vui không?» Chúng ta nghe ông trả lời: «Không thấy được vui trọn trong 10 phút.» Hỡi độc-giả! suy-nghĩ về đời của *Tinckham* vòng quanh thế-giới hai lần, đã buông mình vào các cuộc truy-hoan, mà nào có được vui đâu! Không tin Đức Chúa Jêsus, chỉ ôm khối tham, rồi chết trong tội mình.

Tội-lỗi làm cho ta cay-đắng đời này và đời sau, sanh ra nhiều tật-bệnh ghê-gớm. Kẻ què, người lòa, tàn-tật, lờ-lói, thật đáng thương, đã làm cho người phát ghê, phát sợ. Hỡi độc-giả, đã hết đâu, còn lắm bệnh làm cho người suốt đời trần-trọc trên giường, mong cho mau chết. Vì lầm tưởng chết chắc thoát khỏi sự đau-đớn đó, nên có người tự-sát. «Phải biết rằng tội chắc sẽ đổ lại trên các người» (Dàn 32: 23). Tội đã làm đau-thương trong tâm-hồn và thân-thể của người; khi qua đời, linh-hồn lại còn bị cay-đắng bởi tội-lỗi nữa. Anh em ơi! chúng ta bị tội-lỗi phá hại đường ấy, còn chưa tỉnh-thức dặng tránh khỏi sao? Đức Chúa Jêsus phán: «Nếu các người chẳng tin ta là Đấng đó (Đấng cứu người khỏi tội), thì chắc sẽ chết trong tội-lỗi các người» (Giăng 8: 24).

III. Điều gì ngăn-trở người ta vào chốn hạnh-phước vĩnh-sanh?

Đối với những nhà đạo-học, chỗ đó quý hơn tài-năng, của-cải, và sanh-mạng. Nên Phao-lô rằng: «Vi Đấng Christ, tôi đã coi sự lời cho tôi như là

sự lỗ vạy. Tôi cũng coi hết thấy mọi sự như là sự lỗ, vì sự nhận-biết Đức Chúa Jê-sus-Christ là quý hơn hết, Ngài là Chúa tôi, và tôi vì Ngài mà liều-bỏ mọi sự lợi đó. Thật, tôi xem những đều đó như rơm-rác, hầu cho được Đấng Christ» (Phil. 3 : 7, 8). Xét Phao-lô là một nhà học-thức trứ-danh trước đây 19 thế-kỷ, vạy mà cũng tỏ lòng yêu-quí chốn vĩnh-sanh, tức nước Đức Chúa Trời, biết dường nào! Tư-cách những người vào đó là không phạm các đều kể ra sau đây: «Gian-dâm, ô-uế, luông-tuồng, thờ hình-tượng, phù-phép, thù-oán, tranh-đấu, ghen-ghét, buồn-giận, cãi-lầy, bất-bình, bè-đảng, ganh-gồ, say-sura, mê ăn-uống, cùng các sự khác giống như vậy. Tôi nói trước cho anh em, như tôi đã nói rồi, hề ai phạm những việc thể ấy, thì không hưởng được nước của Đức Chúa Trời» (Ga 5 : 19-21). Anh em ơi! tự xét lấy mình có phạm các tội dường ấy không? Chắc có. «Vì mọi người đều đã phạm tội.» Những tội-lỗi đó ngăn-trở anh em vào nước Đức Chúa Trời.

Có lẽ có người muốn hỏi rằng: «Thiên-đàng, địa-ngục ở đâu? chẳng qua là cái lý-thuyết của các nhà tôn-giáo bày ra cho người ta sợ đó thôi.» Xin chiều lòng độc-giả mà nói rằng: Ừ, không có thiên-đàng và địa-ngục. Song xin hỏi độc-giả, có nhận rằng có thưởng và phạt không? Nếu nói không, thì cần chi ăn ngay ở lành, tu nhơn, tích đức, khuyến-khích đạo-đức, tuyên-truyền tôn-giáo, lập chùa, đắp tượng? Ai nhận rằng không có thưởng và phạt, ấy là người dặt nhơn-loại vào trong hang sâu, vực tối, người ấy là con một của xã-hội, gây cho xã-hội một cuộc tàn luân bại lý, làm cho thế-gian này trở nên chiến-trường. Nên tôi xin quý độc-giả nhận rằng có thưởng và phạt vậy. Nơi thưởng, Kinh-thánh gọi là thiên-đàng; nơi phạt, gọi là địa-ngục.

Hỡi độc-giả, muốn linh-hồn mình vào nước thiên-đàng không? Đừng nghĩ rằng chết là hết, còn gì nữa mà xác với

hồn. Nầy, mọi vật trong thế-gian sở-dĩ được quý, là vì người ta còn sống. Đức Chúa Jê-sus phán: «Nếu kẻ nào được cả thiên-hạ mà mất linh-hồn thì có ích chi!» Sách nhỏ có câu: «Sanh ký, tử qui.» Nếu không có linh-hồn, thì có gì mà qui. Ông *Lavoisier*, nhà học-giả, rằng: «*Rien ne se perd, rien ne se crée,*» nghĩa là không có cái gì mất đi, cũng không có cái gì tạo nên mới. Tôi lấy một cái khăn mặt thấm nước thật ướt, rồi đem phơi nắng, một lúc khăn khô, xin hỏi nước trong khăn đi đâu? Có hai cách trả lời:

Hạng người không biết trả lời: nước mất! Hạng người biết trả lời rằng: Bởi sức nóng của mặt trời đã hút nước lên làm thành mây, có ngày mây đó thành nước rồi đổ xuống, chớ không mất. Một vật nhỏ-mọn trong muôn vật như hơi nước còn không mất thay, huống chi linh-hồn của quý độc-giả, thì mất sao được? Hỡi độc-giả, linh-hồn ta xứng-đáng vào chốn hạnh-phước vĩnh-sanh không?

IV. Làm thế nào được hạnh-phước vĩnh-sanh đó?

«Tin Đức Chúa Jê-sus thì người và cả nhà người được cứu,» chớ nhờ sức mình không được đâu. «Bởi tôi có ý muốn làm đều lành, nhưng không có quyền làm trọn; tôi không làm đều lành mình muốn, nhưng làm đều dữ mình không muốn» (Rô 7 : 18-19). Thật ai cũng có ý làm đều lành; có ý không đủ, còn phải làm. Khốn nỗi không có quyền làm trọn, vì tội-lỗi đang làm chủ trong ta. Có người tự nghĩ loài người ai chẳng có tội, nhưng ta biết cái gì là tội, ta tự bỏ đi, hết sức làm lành theo sự công-bình là đủ, cần chi phải tin Đức Chúa Jê-sus. Không được! ví như quý độc-giả có một cái khăn lau đã bẩn, bèn nói: không dùng nữa, cất trong tủ áo, kéo nó bẩn. Nhưng một hai tháng sau càng dơ-bẩn hơn, vì cái bẩn đó làm khăn trở nên ô-uế. Ấy chẳng khác người có tội tự sửa mình, không cần tin Đức Chúa Jê-sus. «Người

È-thi-ò-bi có thể đòi được da nó, hay là con beo đòi được vắn nó chẳng? Nếu được, thì các người là kẻ đã quen làm dữ rồi, sẽ làm lành được» (Giê 13: 23). «Huyết Đức Chúa Jêsus rửa sạch mọi tội chúng ta.» Ngài dựng nên trong ta cái lòng mới, bấy giờ ta mới có thể «làm các điều lành mà Ngài đã sắm-sẵn cho chúng ta làm theo,» và được ơn-phước vĩnh-sanh trong nước Ngài.

Trước mặt Đức Chúa Trời, người tội phải chết và bị hình-phạt. Đức Chúa Jêsus, Đấng vô-tội, dâng mình chịu hình-phạt, chết thay chúng ta. Chúng ta chỉ tin Ngài, công-nhận Ngài, thì tội-lỗi được tha. «Cho nên hiện nay không còn sự đoán-phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Jêsus-Christ» (Rô 8: 1). Độc-giả muốn được tha tội, trở nên công-bình không? Chỉ tin Đức Chúa Jêsus, Đấng mà Thượng-Đế đã sai đến cất tội-lỗi của thế-gian. «Vậy, chúng ta đã được xưng công-bình bởi đức-tin, thì được hòa-thuận với Đức Chúa Trời bởi Đức Chúa

Jêsus-Christ chúng ta» (Rô 5: 1). Có gì ngăn-trở ta tin Đức Chúa Jêsus? Sợ loài người chẳng? Không phải. Xin nghe: «Ai sẽ kiện kẻ lựa-chọn của Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời là Đấng xưng công-bình những kẻ ấy. Ai sẽ lên án họ ư? Đức Chúa Jêsus-Christ là Đấng đã chết, và cũng đã sống lại nữa, Ngài đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, cầu-nguyện thế cho chúng ta» (Rô 8: 33-34).

Rốt lại, khuyên độc-giả qui gối xuống, tin Đức Chúa Jêsus. Tội-lỗi dễ vắn-vương ta, nhờ quyền Chúa, tự-nhiên cất khỏi. Ta được hưởng các ơn-phước mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho kẻ tin Con Ngài. «Hỡi những kẻ mệt-mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các người được yên-nghỉ» (Ma 11: 28).

Chớ từ-chối Chúa mà chuốc lấy câu danh-ngôn của người xưa rằng: «Củi cả rừng không thể tiếp được lửa ma-trôi, nước cả sông không đổ đầy được chén thủng!»

CHIÊN MẸ THEO CON!

VỢ chồng ông kia tin Chúa rất sốt-sắng, sanh được bốn đứa con xinh-đẹp mũm-mĩm. Cảnh gia-đình thuận-hòa vui-vẻ, ai nhìn vào cũng phải ao-trước thêm-thường. Nhưng con bão thử-rèn bỗng lay đổ gốc cây hạnh-phước. Bốn đứa trẻ nối gót nhau vào cõi đời đời.

Ông bà thất-vọng, ôm một khối sầu, cùng nhau du-lich phương xa để mong xóa nhòa bức tranh đau-đớn. Đến xứ Sy-ri, đồng cỏ man-mác, suối nước trong veo, người khác chắc hỏi dạ vui lòng, song ông bà vẫn hững-hờ cùng cảnh đẹp. Thành-linh thấy một chàng chăn chiên muốn dẫn bầy đông-đúc qua rạch rất nông, nhưng chảy xiết.

Nhìn dòng nước, bầy chiên rụt-rè chẳng dám vượt qua. Chàng không biết tính sao, chẳng lẽ bồng từng con một. Suy-nghĩ hồi lâu, chàng nhẹ-

nhàng ẵm mấy chiên con, lội qua rạch. Chiên mẹ mất con, kêu-la ầm-ỹ, cũng nhảy phót, chẳng sợ nguy-nan. Cả bầy đều làm như thế. Chàng kia thành-công mau-chóng, chẳng khó-nhọc gì.

Trước cảnh-tượng đó, ông suy-nghĩ ngấm-ngấm, rồi nói với bà rằng: «Chàng nọ bồng chiên con đi trước, nên chiên mẹ và cả bầy mới chịu lội qua dòng nước mà chúng tưởng là nguy-hiểm. Cũng vậy, Chúa ẵm bốn con ta về nước thiên-đàng, cốt để giục lòng ta quyết đi đường hiểm-trở. Vì Ngài chắc xét thấy rằng ta yêu-thương và mong-mỏi gặp con. Thôi, vợ chồng ta phải dâng trọn mình hầu việc Ngài, ngõ hầu sau này cùng bốn con họp mặt trong miền cực-lạc.» «Của-cải người ở đâu thì lòng người cũng ở đó» (Ma 6: 21).—*T. K. B. thuật.*



KHẢO - CỔ - HỌC với KINH - THÁNH

IV. BẢN VIẾT KINH-THÁNH TÌM THẤY TỪ XƯA ĐẾN NAY

BẢN viết rất trứ-danh khắp thiên-hạ là bản viết mà tẩn-sĩ *Tischendorf* đã tìm thấy cách lạ-lùng ở nhà dòng bà thánh *Catherine* trên núi Si-na-i. Hồi năm 1866, ông đã xuất-bản một sách thuật truyện phát-lộ ấy. Ông cỡi lạc-đà, đi đường hiểm-trở, trải qua đồng-vắng mà dân Y-sơ-ra-ên đã tan-lạc dưới quyền Môi-se. Rồi ông tới nhà dòng, là nơi trải bao thế-kỷ mấy thầy dòng tu-hành biệt khỏi thế-gian buông-tuồng bậy-bạ.

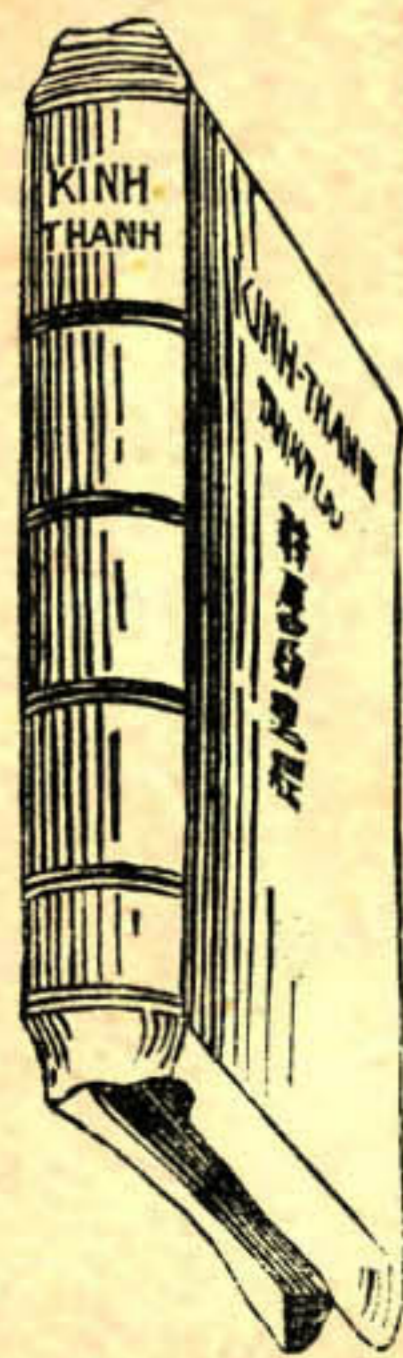
Ông nói: «Chính giữa phòng rộng-rãi kia, tôi từng thấy một cái bồ to chứa đầy bản viết cũ. Người giữ phòng sách, là kẻ học-thức, bảo tôi rằng: ‘Xưa có hai đồng giấy như thế, nhưng mốc, nên đã đốt rồi.’ Lạ thay! trong đồng giấy đó tôi từng thấy mấy tờ bản viết Kinh-thánh Cựu-ước bằng tiếng Gờ-réc. Tôi tưởng cổ hơn những bản mà xưa nay tôi đã được thấy. Các ông cai-trị nhà dòng ấy cho phép tôi lấy một phần ba bản viết đó, nghĩa là độ bốn mươi lăm tờ. Xin được cũng dễ, vì họ có ý đốt đi! Dầu vậy, tôi không thể đỗ họ mà lấy cả được.»

Lần thứ hai, tẩn-sĩ *Tischendorf* lại đi thăm nhà dòng, nhưng không tìm được chút bản viết nào mà lần trước ông không được phép lấy. Ông không sòn lòng, lại đi thương-thuyết với vua nước Nga, nhờ vua giúp mình. Sau được vua bảo-lãnh, ông lại đi đến núi Si-na-i. Nhà thám-hiềm ấy cứ vững chí như thế, cho nên hái được bông-trái tốt-tươi.

Lần thứ ba ấy, ông phát-lộ được sự quý hơn thứ kim-cương *Kohinoor* rất

báu của hoàng-hậu nước Anh. Các thầy dòng tiếp-dãi ông và đưa ông coi «một bản viết học trong miếng vải đỏ.» Đây có một vài câu tẩn-sĩ *Tischendorf* đã chép về lúc trọng-thể mà ông mừng thấy bản ấy. Ông nói: «Tôi mở vải ra, lấy làm lạ, chẳng những thấy mấy tờ giống như những tờ mà mình đã lấy trong bồ hồi mười lăm năm trước, nhưng lại thấy cả mấy phần khác của Cựu-ước và Tân-ước nữa... Tôi nhận-biết tay tôi được cầm bản viết Kinh-thánh rất quý, không đâu có bản nào quý hơn, cũ hơn, hoặc quan-hệ hơn nữa. Dầu trải hai mươi năm tôi đã tra-xét nhiều bản, nhưng chẳng thấy bản nào quan-trọng hơn bản này.»

Lại có sự phát-lộ kỳ-dị tại núi Si-na-i sau đời ông *Tischendorf* đã tìm được *Codex Sinaiticus*. Số là nước Anh có bà *Lewis* và bà *Gibson*, hai chị em sanh đôi, nói giỏi tiếng Gờ-réc, lại học cả tiếng A-ráp, Hê-bơ-rơ và Sy-ri. Học-thức đó rất tiện cho việc hai bà muốn làm. Hai bà tin chắc còn có mấy bản viết quý-giá giấu trong nhà dòng trên núi Si-na-i. Thật vậy, trong năm 1892, hai bà được phép qua bức tường hùng-tráng của nhà dòng núi Si-na-i, và vào phòng sách để xét kỹ các tờ bản viết mốc-meo mà người ta đem ra từ nơi hầm tối. Hai bà có dịp-tiện tra qua nhiều bản chưa đóng lại, là bản có lẽ trải mấy thế-kỷ không ai xem. Đó là một sự phát-lộ quan-trọng vậy. Họ đang xem-xét



một bản, thấy dưới có chữ cổ, mà trên có chữ mới đề lên. Xưa người ta viết trên tấm da, nên thường xóa đi viết lại được. Họ hăm-hở xem-xét chữ chép ở dưới, đọc được một vài tiếng như «Mathi,» và «Luca.» Họ chắc tìm thấy được một bản cổ bằng tiếng Sy-ri chép bốn sách Tin-lành, sau quả đúng như ý đó.

Hai bà chụp các tờ quý-báu đó thành một ngàn tấm ảnh, rồi đem về nước Anh cho các nhà học-thức khảo-cứu. Tiếc thay! chữ cổ mờ-mờ, nên họ không thể đọc được. Hai bà thấy không thể nhờ ảnh mà xem-xét được, bèn sắp-đặt một bọn người học-thức để năm sau lại đến phòng sách cũ ở nhà dòng núi Si-na-i. Ở đó họ tìm cách đọc những chữ cổ ở lượt dưới, và đem về nước Anh những tờ sao bản viết quý-báu gần đủ cả bộ Tân-ước đó.

Hai bà đã tìm gì? Tấn-sĩ *Cobern* thuật lại cho chúng tôi rằng: «Bản viết đó thật quan-hệ lắm, vì các nhà học-thức đều tin rằng Kinh-thánh Tân-ước bằng tiếng Gờ-réc đã dịch ra tiếng Sy-ri chừng nhằm giữa thế-kỷ thứ hai sau Đấng Christ. Vả, trong đời Đấng Christ dân Giu-đa đã dùng tiếng Sy-ri trong xứ Pha-lê-tin. Lại có mấy nhà rất học-thức tin rằng bản viết mới tìm đó tức là bản sao bản chữ Sy-ri cổ mà Hội-thánh trong xứ Pha-lê-tin đã dùng độ một trăm năm mươi năm sau Đấng Christ.» Cho nên lời chép trong bản Sy-ri ấy sánh với lời Chúa đã phán có khi đúng hơn các bản khác. Ta thích xem những điều khác nhau như trong hai câu này: Ta đã thấy ngôi sao Ngài từ

đông-phương (Ma 2:2); Ách ta non-nớt, và gánh ta nhỏ-mọn (Ma 11:30).

Lại nhờ bản Sy-ri cổ và qui ấy, ta biết chắc chưa đầy năm mươi năm sau đời các sứ-dồ, thì có nguyên-văn bằng tiếng Gờ-réc. Các kẻ công-kích hay nói quyết rằng Tân-ước mới chép từ mấy thế-kỷ sau đời các sứ-dồ, nay vì có những chứng-cớ ấy, họ phải bịt miệng lại cả. Ngay kia, có lẽ người ta sẽ phát-lộ chính bản mà một tác-giả chép một đôi quyển trong bộ Tân-ước.

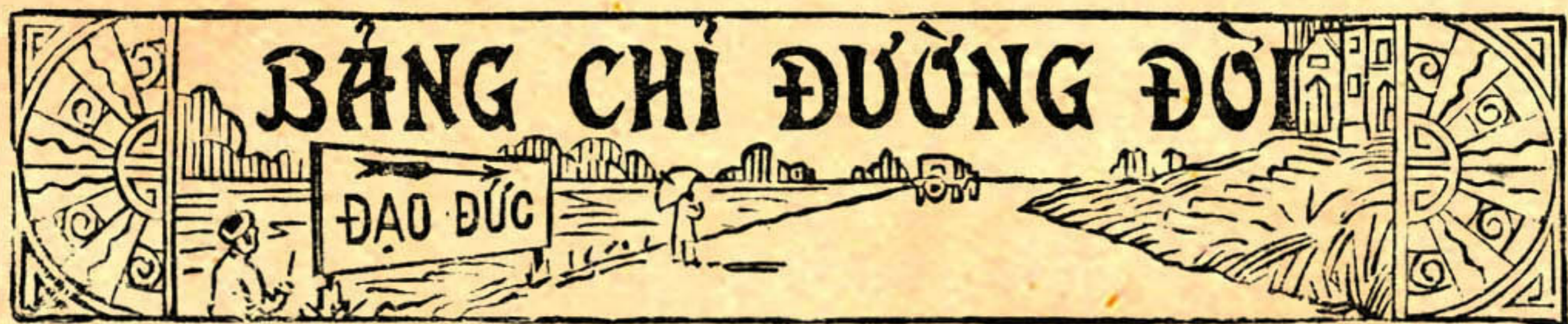
Ngoài nhà khảo-cổ ra, lại có mấy người khác cũng tìm được bản viết có giá-trị. Năm 1906, ông *Freer* đi du-lich nơi *Gizeh* gần *Cairo*, là kinh-dô xứ Ê-díp-tô, đã gặp một người thương-khách xứ A-ráp, tên là *Ali*. Ông *Freer* mua của người đó một bản viết cũ, mà giáo-sư *Sanders* tra-xét rồi nói quyết là bản Tân-ước chừng làm nhằm thế-kỷ thứ tư, gồm cả bốn sách Tin-lành và mấy phần trong các thư-tin của Phao-lô. Nếu thật vậy, thì không có bản viết nào quan-trọng hơn bản này.

Năm 1902, đã tìm được đủ bản viết cũ của Tân-ước bằng tiếng Gờ-réc mà tấn-sĩ *Von Soden* có thể cộng là 2.328 bản. Độ bốn mươi bản gồm cả hai mươi bảy quyển trong Tân-ước, hoặc cả quyển, hoặc một đôi phần. Trong 1.716 bản có một phần các sách Tin-lành; trong 581 bản có một phần sách Sứ-dồ; trong 628 bản có một phần các thư Phao-lô; trong 219 bản có một phần sách Khải-huyền. Vậy, khảo-cổ học đã làm chứng rằng chẳng sách cổ nào [đúng và chắc bằng Tân-ước. — *J. R. Turnbull*.

HÒN SỎI VÀ BÔNG ĐÁ

KHI ta lấy hòn sỏi và miếng bông đá mà bỏ vào nước, thì thấy hai vật đó cũng thấm nước cả. Song khác nhau một đều, là hòn sỏi chỉ thấm bề ngoài, nếu đập ra, thì trong vẫn khô, không có nước; còn cái bông đá chẳng những thấm bề ngoài, mà bề trong càng thấm hơn nữa. Tại sao? Vì cứng, mềm

khác nhau. Về đời thiêng-liêng cũng vậy. Có kẻ bề ngoài dường như được thấm ơn Chúa, mà thật ra, trong lòng không có chút gì. Có người cả ngoài lẫn trong đều được đượm-nhuần ân-điền. Ấy vì lòng cứng, lòng mềm khác nhau. Độc-giả là hòn sỏi hay là bông đá?—*Đô-đức-Thống, Hà-nội*.



NGHI-NGỜ

BÔNG chiều bảng-lảng, cảnh-vật lờ-mờ, ý nghi-ngờ thường theo con đời mà vô cánh bay-liệng. Nó làm mờ trí-khôn và phá cảnh bình-tĩnh, vì nếu tưởng-tượng mình bị quân thù vây kín, còn ai vui-sướng được chẳng? Kể nghi-ngờ mắt bạn cũ và chẳng tìm được bạn mới. Họ lần-lần một thân tro-trọi, chỉ hú-hí với ý nghi-ngờ.

Tri-khôn họ ví như khí độc gây cho họ sốt rét, và đem sự bối-rối cho bạn-bè. Họ vẫn tìm vết xấu của người ta, khác nào con chim kên-kên bay nhào xuống đậu trên xác chết. Nếu thấy mình nghi-ngờ không sai, hẳn họ vui-mừng khôn xiết. Tội-nghiệp, trái lời Sứ-đồ Phao-lô, họ vui về điều không công-bình, hồ-nghi mọi việc hoặc mọi người, ngả lòng về mọi người, chẳng trông-đợi sự tốt-lành nào cả (I Cô 13:). Họ đeo kính xanh hồ-nghi mà nhìn xem thế-gian. Nếu buồn chung với kẻ khác, họ không hề thanh-vượng.

Trong cuộc sanh-hoạt gia-đình, kẻ hay hồ-nghi gây cho bầu không-khí trở nên khốn-cực. Chồng hay nghi-ngờ bạn-bè và công-việc hoàn-toàn vô-tội của vợ. Còn vợ không hưởng được lạc-thú, vì mong-mỏi bắt gặp vết xấu của chồng. Dầu phải cẩn-thận chần-giữ và dặt-dẫn con-cái, cha mẹ cũng nên coi chừng, đừng tỏ ý không tin-cậy con, đến nỗi khiến chúng sanh lòng ngỗ-nghịch.

Người ta thuật truyện một quan tòa chuyên xét-xử những hạng con trai chưa thành-nhơn mà đã phạm tội trọng. Có một cậu hư-xấu quá đời. Chẳng nhà trừng-giới nào giữ và trị nổi cậu. Cậu hay trốn đi, và phạm tội ghê-gớm

hơn. Sau rốt người ta giải cậu đến dinh quan tòa nọ. Ông bèn dắt cậu vào phòng giấy, tỏ ý muốn sai cậu làm một việc quan-trọng tại tỉnh xa kia. Đoạn, ông nói: «Tôi nhứt-định nhờ-cậy cậu; đây, tôi trao đủ tiền lộ-phi. Mười ngày nữa, tôi sẽ ngồi ở phòng này chờ cậu về.» Cậu nhìn thẳng vào mắt ông, biết ông thiệt nhờ-cậy mình, bèn quả-quyết trong lòng sẽ chẳng lừa người bạn mới. Đến kỳ hẹn, cậu về phòng giấy sau khi làm trọn việc ông giao. Lúc thành-nhơn, cậu đứng-dẫn, có giá-trị trong xã-hội. Vậy biết kết-quả trong một người khác ra sao, nhiều khi tùy theo mình nghi-ngờ hay tin-cậy. Người lớn, trẻ con nếu biết có kẻ hồ-nghi mình, ắt dễ làm theo tánh-nết kẻ kia ngờ mình òm-áp.

Tánh nghi-ngờ thứ nhứt làm hại người chịu trách-nhiệm nặng-nề, hoặc kẻ dặt-dẫn đám đông, như mục-sư, thầy giảng. Câu chữ-rũa và việc mịch lòng kích-thích họ quá mạnh. Một lời nói, một cái nhìn đủ làm dịp tốt cho tánh hồ-nghi họ bày-dặt những truyện xấu-xa mà họ tưởng-tượng người khác đã nói đến mình. Để bôi mặt những truyện ấy cho xấu-xa hơn, họ hay tỏ ý nghi-ngờ lẽ này sự nọ, và bởi đó gieo bối-rối trong lòng người khác. Vậy, chẳng bao lâu, chi-hội họ nảy một tổ ong vô-vẽ; những ý nghi-ngờ hèn-mạt chẳng khác loài ong ấy chĩa ngòi chích nhiều người vô-tội. Thay bầu không-khí yêu-thương, họ thả ra những hơi căm-hờn sợ-hãi, đến nỗi những trái Đức Thánh-Linh, tức «lòng yêu-thương, sự vui-mừng, bình-an, nhịn-nhục, nhơn-từ, hiền-lành, trung-tín,

mềm-mại, tiết-độ» (Ga 5: 22) đều bay đi như chim bò-câu hiền-lành.

Khi trò-chuyện, kẻ nghi-ngờ hay nói vu, nói xấu, nói cay-nghiệt, nói bóng-gió. «Tình yêu-thương... chẳng nghi-ngờ sự dữ» (I Cô 13: 5), nhưng họ chỉ thấy sự dữ, và cứ thêm mãi cho đến nỗi cái sầy nầy cái ung.

Quanh mình chúng ta, phải nên cố sức trồng hoa tin-cậy, chớ đừng căng màn hồ-nghi. Thôi, đừng bới lông tìm vết kẻ khác, đừng rình bắt nết xấu trong anh em, đừng tưởng việc làm của người lân-cận là do có-tích bất-chánh.

Ta nên nhập bọn với những người «trông-cậy mọi sự, tin-cậy mọi sự.» Nguyện chúng ta có tình yêu-thương chẳng hề hao-mòn của Đấng Christ đối với Phi-e-rơ đáng thương và phạm tội nặng. Nguyện đức nhện-nhục vô-cùng của Đấng Christ đánh đổ tánh nghi-ngờ của chúng ta.

Các nhà khoa-học dạy rằng tánh ghen-ghét, nghi-ngờ, và cả đến những ý-tưởng cay-nghiệt đối với kẻ khác đều có thể làm hại chính chúng ta. Họ chứng quyết rằng những mối cảm hèn-mạt và ý-tưởng xấu-xa làm hư các hóa-

chất trong thân-thể. Sự kinh-nghiệm dạy rằng nhiều khi con mắc độc chết vì mẹ liền cho bú sau lúc hung-hăng tức-giận. Vậy, dầu ôm lòng ích-kỷ, ta cũng không nên để ý nghi-ngờ bỏ thuốc độc vào tâm-trí và thân-thể mình.

Lạ-lùng thay, máy giây-thép-gió có thể nhờ các thanh-lãng mà đem tin-tức và giọng nói của ta đi xa lắm. Cũng vậy, các nhà khoa-học quả-quyết rằng mỗi tư-tưởng sanh ra một sóng sức-lực tương-đương có thể làm hại hoặc giúp ích người ta.

Chúng ta càng cao tuổi, ắt càng biết rõ thần-trí khôn-ngoan tức là thần-trí yêu-thương, yêu-thương kẻ đồng-loại tức là phương-pháp thực có ảnh-hưởng tốt đến họ. Vậy, nhờ ơn-điềm Đức Chúa Trời, chúng ta chỉ suy-nghĩ về những sự cao-thượng, yêu-thương, nhơn-từ, đến nỗi có thể làm phước mà chẳng gây họa cho kẻ mình đụng-chạm. Hỡi độc-giả! hãy giúp kẻ khác đi đường lên trời, tức là đường đạt đến nơi giao-thông với Đức Chúa Jê-sus, là Đấng đã yêu-thương đến nỗi «phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người» (Ma 20: 28).— Bà C. soạn.

THI-CA TIN-LÀNH

MỤC-SU PHAN-ĐÌNH-LIÊU

38. SAI BẢY MƯƠI MÔN-ĐỒ

(Lu-ca 10: 1-20)

Chúa sai bảy chục môn-đồ khác,
Cặp đến nhiều nơi Chúa sẽ đi.
Chủ-nhơn cần phải thêm con gặt,
Mùa gặt hôm nay đã đúng kỳ.
Chiên ta lạc giữa bầy muông sói.
Chớ cặp giày theo, đừng sách gói;
Nấc bước gian-nan phải cần-phòng.
Gặp ai giữa lộ, đừng chào hỏi;
Vào nhà chúc phước, rồi sẽ đi.
Họ dọn cho ăn, chớ ngại gì.
Giảng đạo, chữa lành người tật-bệnh;
Truyền tin nước Chúa đã gần kỳ.
Cô-ra-xin với Bết-sai-đa,
Khốn-nạn cho người chẳng rước ta!
Sánh với Sô-đôm càng nặng tội;

Đến ngày phán-xét, quyết không tha.
Môn-đồ trở lại, kêu: «Chúa ôi,
Phước bầy, tà-ma nó phục tôi!»
Chúa phán: «Đừng mừng vì quỷ phục,
Mừng tên được phép sỏ trên trời.»

39. TIN-LÀNH TỎ CHO CON TRÉ

(Lu-ca 10: 21-25)

Bầu trời, trái đất rộng mênh-mang,
Đáng ngợi-khen Cha, Chúa vẹn-toàn.
Áo-lý phô-bày con bé-mọn;
Tin-lành kín-giấu kẻ khôn-ngoan.
Tiên-tri ao-ước chưa hề gặp,
Vua-chúa trông-mong đã lỡ-làng.
Phước bầy cho người nghe lại thấy
Những điều mầu-nhiệm nước thiên-
dàng!



MẸ NHÌN CON, CON NHÌN MẸ!

Gió thương hãy-hãy cỡi lòng :
 Thân, hồn giữ vẹn trắng trong đêm rằm.
 Cùng ai hòa khúc tri-âm,
 Một lời ước-nguyện, trăm năm vương-tròn.
 Quanh mình, quẩn-quít dần con
 Ngây-thơ, ngộ-nghĩnh, bỡ cợn nhọc-nhần.
 Vì bằng hủy-hoại tấm thân,
 Hại dòng, hư giống, tội trần ai mang ?

KHI còn để con, thì đời phép lạ vẫn chưa hết.

Ai là mẹ chắc cũng biết như thế.

Kìa, mũm-mĩm nằm trong nôi căng màn, đứa trẻ có riêng: thở hút, cụ-cựa, vui-vẻ, buồn-rầu, thỏa-mãn, đau-đớn, mạnh-mẽ, ưa-muốn, và sanh-hoạt. Chắc bà mẹ không khỏi nghĩ rằng, chỉ mấy tháng trước, nó chưa thành thân người, và nay vợ chồng mình đã sanh nó. Bởi vậy, bà nhận-biết một phép lạ nhưt thế-gian.

Đứa con mà mình đã để ra thật là một sự sống, sự sống đó cứ đi đời đời không thôi. Đi xa chừng nào? Đi bao lâu? Đi đâu? Đem theo gì? Có kết-quả gì?

Trước những câu hỏi ấy, ai dám coi thường?

Nhưng còn có một vấn-đề cao-xa hơn, quan-trọng hơn, mà cha mẹ phải giải-quyết: «Làm sao con tôi đi đường này? Có gì thuộc về cuộc quá-khứ tôi đã giục nó tiến lên hoặc xui cho vấp-ngã?»

Ấy là câu hỏi ra từ cặp mắt hồn-nhiên của con đổ mình, đập vào tận tai chị em, rõ như tiếng khóc của em

bé, nghiêm-trọng như giọng nói của kẻ sắp qua đời, chớ không phải câu hỏi của tâm-thần mình, hoặc lời nói của người ta, hay lời chép của Đức Chúa Trời. Chị em đã gặp câu hỏi đó chưa?

.....
 Đây, con trai đầu lòng ngây-thơ, trắng-trẻo, dịu-dàng khôn xiết, đang nằm yên trong cánh tay tôi. Tôi cho nó bú, và hàng ngàn lần lấy làm lạ về mọi

điểm tròn-lành của nó: bàn tay xinh-xắn, mặt mũi nở-nang, móng tay đỏ hồng, diêm cặp môi son, đôi mắt đen nhánh. Con tôi ngạc nhiên nhìn khắp chỗ cũng như thói thường con trẻ; thỉnh-linh nó đưa cặp mắt đẹp-đẽ, nhưng trầm-ngâm và yên-lặng, mà nhìn tôi.

Tôi chứa-chan tình yêu khó tả, tự hỏi đương khi con nhìn mặt tôi, thì nó tưởng tôi là người thế nào? Thường thấy tôi cúi nhìn nó, chắc sau này nó

Bài này do một bà làm ra, giấu-kín, không ký tên. Khi bà qua đời, người ta mới nhật-lượng mà đem in. Trong đó tả-vẽ những ý nồng-nàn và chơn-thật ra từ tấm lòng một bà đã từng-trải nỗi đau-đớn, cơn vui-mừng trên cầu sanh-đẻ. Vậy, bổn-báo xin dịch mà đăng ra đây để thúc-giục các chị em trong Hội-thánh biết trách-nhiệm làm mẹ quan-trọng là dường nào! Ý-tứ bài này cao-xa, nếu không chăm-chú mà đọc, thì khó nhận-lãnh được sự dạy-dỗ quý-báu. Vậy, mong độc-giả nhờ Chúa soi sáng để biết làm trọn bổn-phận cao-thượng đối với dòng-dõi mà Chúa giao-phó cho mình.

sẽ quen mặt và yêu tôi. Nguyễn Chúa giúp-đỡ tôi, đến nỗi nó thấy mặt tôi phản-chiếu ánh sáng thiên-dàng.

Trước kia, nó vẫn nhìn mặt tôi, nhưng không chăm-chú như bây giờ. Hiện nay nó chẳng những nhìn, song lại hình như nhìn mặt. Nó nhìn tôi dường để xét-nét, không khác chi người lạ xét-nét kẻ mình gặp lần đầu để đoán-định tư-cách. Tôi cảm-biết nó đang ngắm-nghĩa và đánh giá tôi.

Cặp mắt nó bình-tĩnh, nghiêm-trang, chăm-chú, đầy những câu hỏi tối-trọng. Chẳng hề có ai nhìn tôi như thế. Mắt nó soi-bói tôi dường như hỏi rằng:

— Mẹ là ai?

Mẹ có quyền gì đem tôi ra đời?

Mẹ đã giữ mình thánh-khiết, đúng-đắn, và mạnh-khỏe chẳng?

Mẹ có phạm tội bao giờ không?

Nếu con ô-uế, đáng khinh, thì có phải tại mẹ chẳng?

Mọi câu hỏi đó và nhiều câu hỏi khác dường như chứa trong hai mắt lặng nhìn của con tôi. Câu hỏi rõ nhất có lẽ là: «Con suy-nghĩ về mẹ thế nào? Theo ý con, thì mẹ đáng giá bao nhiêu? Trước kia và bây giờ mẹ có ăn-ở xứng-đáng không?»

Lúc đó, tôi cảm-biết mình bị đoán-xét nghiêm-khắc hơn hết. Tôi hầu như đứng trước Tòa Trắng Lớn của Đấng Christ. Màn yên-lặng của cõi đời đời bao-phủ mẹ con tôi. Đứa bé không nói, không cựa, không kêu. Cặp mắt sâu hoắm của nó không có một tia sáng biết ơn, thương-xót, và yêu-mến gì cả. Đó là cuộc thăm-phán yên-lặng của một tòa án công-bình, cương-quyết.

Người ta hay trò-chuyện về các nhà truyền-đạo có quyền tỏ cho vô-số linh-hồn biết tội-lỗi và sự cần đổi mới. Tôi đã nghe hàng trăm hàng ngàn bài giảng, nhưng chẳng bài nào linh-nghiệm bằng cặp mắt con đỏ này lặng-lặng nhìn tôi trong một phút. Hơn hết mọi bài giảng, cặp mắt đó khai-trình mọi sự đã qua ra trước tòa-án

tương-lai, và khiến tôi ước-ao ăn-ở tử-tế tốt-lành hơn.

Đối với con, hiện nay tình yêu khôn xiết của tôi dường chỉ nhỏ bằng bụi trên đĩa càn. Con mắt không nói đến cảm-tình, nhưng nói đến công-việc; không nói đến công-việc hiện nay, nhưng nói đến công-việc ngày trước. Tôi cảm-biết sau này nó sẽ đoán-xét tôi như bây giờ nữa. Không tây-vị, không chịu ảnh-hưởng bởi tư-dục, song chỉ lấy ánh sáng của dòng-dõi mà chiếu vào lịch-sử đời sống tôi, con tôi dường như có thể biết tôi, biết hết tôi. Tôi bèn nhận ra rằng danh-dự tôi được còn hay mất là bởi sự đoán-xét của con tôi đó.

Chúng ta nhìn-nhận Đức Chúa Trời thấu rõ mình, hiểu trọn những sự yếu-đuối mình. Ngài biết chúng ta phẩn-đấu, nhẹn-nhục, siêng-năng thế nào. Ngài xét thấy chúng ta ít khi đắc-thắng và thành-công. Ngài cảm-thương chúng ta thiếu-thốn, biết và nhớ thân-thể chúng ta chỉ là bụi đất. Nhưng, nếu dòng-dõi ta vì lẽ di-truyền mà xấu máu, yếu-đuối vấp-phạm, hướng về tội-lỗi, thì chúng không biết thương-xót, ắt chẳng nể-nang ta. Chẳng chút dung-thứ, đoái-hoài, chúng sẽ lên án ta theo lẽ công-bình.

Song dòng-dõi ta sẽ biết ơn và chúc phước cho ta, miễn là ta bằng lòng phẩn-đấu và làm-lụng, ngõ hầu chúng có thể tự-trị mình và ăn-ở thánh-khiết dễ-dàng hơn. Nếu cần đoán-xét, chúng sẽ dùng mực-thước nào? Khi nào dòng-dõi thấy mình ưa cầu-nguyện, thích đọc Kinh-thánh, tự-nhiên tìm-kiếm Đức Chúa Trời, không có tánh-tình nóng-nảy và ý-tưởng gian-tà hay làm hư-hỏng kẻ khác, chắc chúng sẽ cảm-tạ Chúa trước, rồi cảm ơn ta sau.

Dòng-dõi ta sẽ biết chắc ai đã lưu-truyền cho mình: nào của bầu yên-tĩnh, yêu-thương, cao-thượng; nào tâm-thần bình-an, thỏa-mãn được hòa-thuận với Đức Chúa Trời và vui về mọi sự Ngài ban; nào ý thích cảnh

lặng, tiếng thanh và vẻ đẹp trong cõi thiên-nhiên; nào con mắt nhìn xa hơn thời-gian, ngó xa hơn những nỗi lo-buồn nhỏ-mọn của cuộc đời hữu-hình,

không trọn- vẹn; nào tâm lòng biết bi-quyết ăn-ở cao hơn hoàn-cảnh, trong sự thông-công với Đức Chúa Trời và hiện-diện Ngài.

Y-PHỤC TRUNG-BÌNH

PHẠM mọi việc trong thiên-hạ, bất cứ lớn hay nhỏ, sang hay hèn, hễ thái-quá thì không được lâu-dài bền-vững, bất-cập thì cũng bị khinh-dề mỉa-mai. Như vậy, xét mỗi việc của đời người, em thiết-tưởng nên theo trung-bình là hiệp-lý.

Đây, em xin cử ra một vấn-đề để hiến cùng các quý chị trong Hội-thánh của Đấng Christ. Ấy là vấn-đề y-phục trung-bình của chị em ta. Nhưng trước hết em xin giải nghĩa hai chữ «trung-bình.» Ấy là: đứng chính giữa, không lệch về bên nào. Ta giàu-sang ư? phải nên một vừa hai phải. Ta nghèo-nản ư? cũng đừng làm cho quá tệ. Thế thì, đứng trong cảnh-ngộ nào cũng nên giữ mực trung-bình là phải lắm.

Đây em không luận về hết mọi hạng người đều nên ăn-mặc như nhau cả dẫu, nhưng quyết rằng phải tùy theo cảnh-ngộ riêng của mình vậy. Xem trong Hội-thánh có đủ hạng người: giàu, sang, nghèo, hèn. Mà nếu giàu thì thái-quá, còn nghèo thì bất-cập, như vậy người ngoài trông vào sao cho nhẽ? Vả, Kinh-thánh có chép rằng: «Người đờn-bà ăn-mặc gọn-ghẽ, lấy nết-na và đức-hạnh giới mình, không dùng những tóc-gióc, vàng, châu-ngọc và áo-quần quý-giá, nhưng dùng việc lành, theo lẽ đương-nhiên của người đờn-bà tin-kính Chúa» (I Ti-mô-thê 2: 9-10).

Em xét ra hai chữ «gọn-ghẽ,» mà Thánh Phao-lô dùng trong câu này, có ý dạy chị em ta nên ăn-mặc cách trung-bình chỉnh-đốn; bởi đã gọn-ghẽ, thì không lòe-loẹt và cũng không lúi-xúi được. Tiếc thay! Có người ăn-mặc quá ư luộm-thuộm, đến nỗi thân-thể nhóp cũng biếng tằm, quần-áo dơ cũng nhác thay. Chẳng những lúc ở nhà

thời dàu, đến khi ra ngoài giao-tiếp với đời cũng giữ cái thói-quen cầu-thả ấy. Như vậy, ta chẳng những không biết tôn cái phẩm-giá mình lên, lại còn hạ nó xuống nữa.

Cho nên chị em ta phải giữ-gìn cách phục-sức cho trung-bình; tuy rằng quần vải, áo nâu, hễ nhóp thì giặt, rách thì vá, ngõ hầu thích-hiệp với câu tục-ngữ: «Đói cho sạch, rách cho thơm,» và với lời Kinh-thánh đã dạy trên kia.

Đó mới nói đến y-phục bất-cập; song về cách ăn-mặc thái-quá, tưởng cũng nên bàn qua, mong có đôi phần giúp ích. Em tin quý chị cũng đồng-thình với em mà công-kích cái tánh xa-xỉ lỗ-lãng: mả phấn, môi son, áo-quần lòe-loẹt, hoặc dùng những đồ nữ-trang như châu-báu, vàng, ngọc, vân vân... Đấy, cách dùng thái-quá của nhiều nữ-tin-đồ trong Đức Chúa Jê-sus. Vả lại, trong cái đời kinh-tế này, ta cũng nên cẩn-thận lắm, kẻo có khi vì nó mà ta bị thiệt-hại về phần hạnh-phước gia-đình chẳng. Dẫu em không nói rõ, chắc quý chị cũng thừa biết như thế rồi.

Vậy, nếu ta nhiều tiền, lắm của, nên đem ra làm việc Chúa thì hơn. Còn lối phục-sức thì nên theo mực trung-bình là phải. Nhưng đều cần nhứt là chị em ta phải lo bồi-bổ linh-hồn, giữ-gìn cử-chỉ, đặng đẹp lòng Đức Chúa Trời và làm gương cho người khác. Vả, phương-ngôn Pháp có câu: «*Un bon cœur vaut mieux que de beaux vêtements,*» nghĩa là «dòng tốt quý hơn quần-áo đẹp.»

Thôi, em nói này giờ cũng đã dài rồi, chủ-ý của em là ước-ao các tin-nữ nước nhà giữ cách phục-sức trung-bình, tùy theo cảnh-ngộ của mình vậy. A-men.—*Bà Lê-Thị, Hải-dương.*



NAM-KỶ

Cai-tàu-hạ.— Nhờ lời cầu-nguyện của các quý Hội-thánh hiệp với chi-hội chúng tôi, nhà giảng Tin-lành của bôn-hội đã được đem ra trên chợ Cai-tàu-hạ hai trăm thước, gần lộ Quán-hạt. Cát xong từ ngày 4 Juin 1932 rồi. Bốn phía đóng ván, đẹp hơn ở chỗ cũ. Dầu năm khuôn-bách, mà việc Chúa vẫn cứ tấn-tới, thật cảm ơn Ngài. Xin cầu-nguyện cho bôn-hội giảng phục-hưng và bố-đạo từ 13 đến 15 Juillet, đem được nhiều linh-hồn trở lại tin Jê-sus, là Cứu-Chúa chúng ta. Amen. — *Trịnh-an-Mèo.*

Tây-ninh.— Hội thánh Mai, bôn-hội có giảng đặc-biệt trong hai tối, số nhóm nghe độ từ 50 đến 100 người, tùy theo chiều trời mưa nắng. Thương thay, không đủ chỗ ngồi, làm cho thánh-giả phải đứng!

Xin anh em cầu-nguyện giùm, để Chúa giục lòng nhà từ-thiện cho tiền mua ghế.

Cảm ơn Chúa, thầy giáo Chắt dâng cho bôn-hội một cái đồng-hồ và một cuốn sổ 300 trang, bìa đen, để biên tên tin-dồ đã chịu phép báp-têm. Cầu-xin Chúa cho có người chịu phép báp-têm đầy cuốn sổ này. — *Dương-chấn-Thế.*

Trà-ôn.— Bà Nguyễn-thị-Thinh, 41 tuổi, làm nữ chấp-sự ở chi-hội Trà-ôn. Ngày 5 Mars 1932, bà đi đưa đám xác ông tư-hóa bôn-hội. Khi trở về, bà bị cảm nắng.

Qua 10 ngày sau, bệnh bà nặng quá, một mình không nằm xuống ngồi dậy được. Cơm cháo không ăn, thuốc đồ không uống; coi khí-sắc người ra khác lắm. Trong mình rất nóng, mắt lờ, tai điếc, nói sáng, nói mê. Chồng bà thất-vọng, tưởng bệnh ấy không qua-khỏi, vì thấy càng ngày càng nặng.

Chồng bà có rước thầy thuốc tây đến nhà tiêm thuốc, rồi lại đem bà đến nhà thương, nằm 4 ngày đêm, song không công-hiệu chi cả. Chồng bà xin phép đem về, nhứt-dịnh giao-phó bà cho Chúa. Sau Hội-thánh và thầy giảng khẩn-thiết

cầu-nguyện, làm phép xức dầu, nài-xin Chúa cứu bà, thì chẳng bao lâu bệnh bà giảm-bớt.

Hiện nay bà đã được mạnh, nhóm lại nhà giảng, hầu việc Chúa, tỏ lòng cảm ơn Chúa cứu mình, và ngợi-khen tài Cứu-Chúa rất lạ!

Quả thật, Kinh-thánh chép rằng: «Kẻ nào trồng-cây nơi Đức Giê-hô-va sẽ không bị hồ-thẹn.» A-lê-lu-gia. — *Trần-văn-Bi.*

An-thái-đông.— Ở Hội-thánh An-thái-đông, có ông Nguyễn-thành-Trung, năm nay 74 tuổi, điếc từ buổi 40 tuổi, không nghe được chi cả. Ông đặng biết Chúa là nhờ ở quyền Kinh-thánh đó thôi. Ông có chất sáng lạ-lùng, thuộc lòng đến 24 đoạn Kinh-thánh, cộng là 374 câu. Ngợi-khen Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jê-sus-Christ, Chúa chúng ta! Ngày 21 Mai 1932, ông phát bệnh đau; qua ngày 22, ông bước vào cõi sáng-láng. Vậy, ban trị-sự chúng tôi xin chia buồn cùng tang-gia. «Hãy vui với kẻ vui, khóc với kẻ khóc.» (Rô 12: 15). — *Ban trị-sự.*

Sóc-sái.— Sóng dập, gió dồi, thuyền Hội-thánh khó bề tấn-tới! Gặp năm tiền-bạc eo-hẹp, phần nhiều tin-dồ nguội-lạnh.

Từ 12 đến 14 Mai, chúng tôi có mời ông Phan-đình-Liệu, ông Lê-văn-Cung giảng bố-đạo ba ngày đêm; ông Nguyễn-hữu-Khanh có đến dự lễ. Kết-quả 5 người ăn-năn tội, tin Chúa, nhiều tin-dồ nguội-lạnh trở nên sốt-sắng. Từ đó về sau, cũng có một ít người bỏ tà theo chánh. Dầu vậy, Hội-thánh này hãy còn thiếu-thốn nhiều về đường tài-chánh, cho nên công-việc Chúa chưa được may-mắn bao nhiêu. Xin các quý hội lưu-ý cầu-nguyện giùm, chúng tôi rất cảm ơn.

Có một điều rất vui là vợ ông Nguyễn-châu-Thông đã sanh được một con trai hôm 27 Mai. Chỗ này không nhà hộ-sanh, dầu thật là khó, song Chúa ban phước cho bà Thông trong khi sanh-để được bình-an cả mẹ lẫn con. Thật cảm ơn Chúa. — *Thơ-ký: Nguyễn-văn-Lương.*

Rạch-vọp.—Ngợi-khen Chúa! Ngài là Đấng có quyền-phép đối với kẻ thật lòng ăn-năn tin Ngài. Tôi là người ghiền á-phiện hơn 15 năm rồi, nhờ Chúa giải-cứ, tôi khỏi làm tôi-mọi bệnh nguy-hiểm ấy. Bởi lời khẩn-nguyện của tôi và của anh em trong bôn-hội, nay tôi thật được tự-do, không còn chút chi dính-dính với á-phiện nữa. Trong khi còn đang ghiền-ngập, lòng tôi gian-tham xấu-xa, không xiết kể, và lại không vợ, không con. Tôi vẫn nghĩ: Nếu mang lấy cái bệnh này, thì cả đời sống của tôi thiếu ăn, thiếu mặc, không thể nào có vợ, có con được; nhưng tự tôi không có quyền mà dứt bỏ nó.

May thay, khi tin Chúa rồi, nhờ ơn Ngài cắt đứt cái dây cột-trói của tội-lỗi, nên những tánh-tình khi trước đều biến mất cả. Ngài ban phước cho tôi bây giờ có vợ, lại mới sanh được một con trai.

Vì thế, lòng tôi vui-mừng lắm, xin có mấy lời làm chứng về tài Cứu-Chúa, hầu cho anh em khắp trong cõi Đông-Pháp này đồng-thinh với tôi mà cảm ơn Chúa. *Thơ-kij: Nguyễn-an-Cư, tức Dầu.*

Gò-công.—Từ khi tôi đến Gò-công tới nay mới được năm tháng, thấy anh em trong Hội-thánh ở đây được ơn nhiều lắm. Dầu anh em thật là nghèo, song có lòng tốt đối với Chúa luôn. Về sự bán sách làm chứng, tôi có đi 20 làng cất nghĩa đạo, có 20 người tin Chúa tốt lắm.

Bà thơ-ký Hồ đau, máu chận nghẹn, 7 ngày không ăn được, bà chỉ trông thầy giảng cầu-nguyện. Sau khi cầu-nguyện bởi đức-tin, bà mạnh như thường. Lúc này bà sốt-sắng lắm. Vợ ông Ngọ bị quỷ ám, đem đến nhà giảng, cầu-nguyện hai ngày, liền được Chúa chữa lành. Cảm ơn Chúa lắm.

Hai con ông Khoa, em 5 tuổi và em 12 tuổi, té xuống hào, bề sâu 2 thước tây, song cứ nổi đó. Hai giờ sau, cha mẹ mới hay, đem vô nhà, hai em đều được vô-sự. Kế đó nhà ông bị trận gió thổi sập, nhưng không hại đến mạng người. Thiệt là tài Cứu-Chúa rất lạ! Cảm-tạ không thôi. Bà chấp-sự Tập đau 3 năm rồi, nhờ cầu-nguyện, bà được mạnh. Sau bà cứ đi chơi, chớ không chịu đi nhóm nhà giảng, nên nay bà đau lại khá hơn. Xin các quý ông bà cầu-nguyện giùm.

Có nhiều tin-đồ trong hội nhánh ở Long-hựu tuy gần nhà giảng, nhưng không đi nhóm, tôi đã hết lời khuyên họ. Xin các ông bà nhớ cầu-nguyện cho họ siêng-năng thờ-phượng, và cầu Chúa cho tôi mở nơi Kiên-phước mà giảng cho người ngoại.

Anh em chúng tôi lại cảm ơn Chúa, Ngài dùng bà Irwin làm bài học dạy chúng tôi được ơn lắm.—*Huỳnh-văn-Thinh.*

Biên-hòa.—Tạ ơn Chúa, Ngài đã nhận lời cầu-nguyện của quý ông bà, nên chi nhà giảng hội Biên-hòa nay đã thành-lập. Nhà ấy bề dài 13^m50, bề rộng 7^m50, bề cao 6^m50, chung-quanh đóng vách ván, ở trên lợp ngói tây. Phí-tồn hết 476\$60. Mẫu-hội giúp 160\$00, còn bao nhiêu thì bởi lòng nhiệt-thành của anh em tin-đồ bôn-hội, kẻ dâng của, người dâng công mới được cái kết-quả tốt-lành đó.

Bắt đầu từ tháng Juin, bôn-hội sẽ lo tự-trị, đó là một việc lớn và khó. Vậy xin quý ông bà cầu-nguyện cho bôn-hội có đủ tài-chánh để lo việc Chúa. Đến hạ-tuần tháng Juillet, bôn-hội sẽ làm lễ khánh-thành và nhóm hội-đồng phục-hưng. Xin quý ông bà cầu-nguyện giùm cho. Rất cảm ơn.

Ông chấp-sự Đặng-bình-Nam, người Tàu, ở Hội-thánh Tam-bình, đến thăm bôn-hội, có nhin bớt tiền lộ-phí để giúp bôn-hội 1\$00 về sự cất nhà giảng. Quý-hóa thay, tấm lòng sốt-sắng ấy! Bôn-hội xin có lời cảm ơn ông, và cầu Chúa ban ơn cho ông được dư-dật.—*A-men.—Ông-văn-Trung.*

Sóc-trăng.—Từ ngày 30 Aoút 1930, Chúa sai tôi đến giảng tại Sóc-trăng. Ở xứ này thật khó lắm, vì chẳng có một người thật lòng tin Chúa Jê-sus. Tôi cầu-nguyện, nài-xin, Chúa kêu được 89 người ăn-năn tội; nhưng cả bôn-hội hiện-diện còn có hơn 40 người. Mỗi khi giảng, người ngoại đến nghe đông lắm. Xin cầu-nguyện cho họ mau trở lại cùng Ngài.—*Phan-dình-Liệu.*

Nhu-gia.—Hiện nay anh em trong hội Nhu-gia chúng tôi nhóm lại khá vui. Người ngoại đến nghe cũng nhiều. Ông già vợ tôi là Phạm-văn-Chánh, 72 tuổi, mới trở lại tin Chúa. Ông có bệnh phong-tê. Xin cầu-nguyện cho.—*Huỳnh-bá-Nhiều.*

Trà-cuôn.—Ông Lâm-van-Khên để riêng một gian phố, biểu tôi về ở, dựng sắp-đặt trong khi giảng. Ở đây rất tiện đường, người ngoài đến nghe đông quá, không có chỗ ngồi. Chúa mới kêu một người Thổ và một người Tàu trở lại đạo.—*Lâm-chí-Gông.*

Vinh-long.—Từ ngày 20 đến 22 Avril 1932, Hội-dồng Linh-tu Địa-hạt Nam-kỳ nhóm tại Vinh-long. Lạ-lùng thay! đang cơn ông chủ-nhiệm và ông thơ-ký của Địa-hạt phải nằm liệt ở trên giường, bệnh-tình càng nguy, thân-hình càng kém; trưởng Hội-dồng này phải đến đình lại hoặc bãi đi. Nhưng chúng tôi cứ lo, cứ sửa-soạn, cứ in chương-trình để Hội-dồng nhóm. Cảm ơn Đức Chúa Trời, Ngài ban phước cho kỳ Hội-dồng này thật khó tả xiết. Vậy xin thuật sơ ít lời để cùng quý ông bà đồng ngợi-khen Chúa.

Trong 3 ngày, Đức Thánh-Linh dùng ông hội-trưởng E. F. Irwin, ông mục-sư Jackson và ông Ferry bày-tỏ những bổn-phận của tín-đồ đối với Chúa, với gia-đình, với giáo-hội, cũng là làm thế nào để được Đức Chúa Trời luôn ban phước cho, và những chứng-cớ tỏ ra lời Đức Chúa Trời thật có giá-trị. Cả hội-dồng đều cảm-động, nhiều người khóc-lóc thống-thiết, ăn-năn-xưng tội và quyết từ đây làm theo điều Đức Thánh-Linh dạy-dỗ. Chúng tôi được dấy-dức đời thiêng-liêng, được no-nê và thỏa-mãn lắm, thật dường như đại-hạn gặp mưa dầm. Có một buổi để riêng cầu-nguyện cho công-việc Chúa khắp toàn-cầu. Trong thi-giờ quý-báu ấy, mỗi lòng trống-không giao-thông với Đức Chúa Jê-sus. Buổi tối, mấy mục-sư và thầy giảng rao-truyền đạo Chúa cho người ngoài. Người nhóm đông-đảo, nghe rất chăm-chỉ. Kết-quả được 8 người ăn-năn tội, tin Chúa.

Đó, Chúa dùng Hội-dồng quý-báu này mà ban phước cho Địa-hạt Nam-kỳ biết là dường nào! Dầu ma-quỉ tìm trăm kế ngàn phương để đón-ngăn việc Chúa, nhưng Ngài vẫn được toàn-thắng. Chúng tôi mong rằng năm nay, nếu có thể được, Chúa cho dịp-tiện nhóm Hội-dồng Linh-tu một lần nữa, và nhóm lại mỗi năm trong địa-hạt ít nữa là 2 lần, hầu cho đời thiêng-liêng của các giáo-hữu được bồi-bổ. A-men.—*Ban trị-sự Địa-hạt Nam-kỳ.*

Mỹ-tho.—Trong khoảng chừng 2 tháng, tôi mang bệnh trái trắng, nằm liệt trên giường. Càng uống thuốc, càng tăng bệnh, thầy nào cũng chịu cả. Trong thi-giờ nguy-cấp ấy, tôi biết anh em trong cả Đông-Pháp có lòng cầu-nguyện nhiều cho tôi, nên chính Chúa Jê-sus là Lương-y Toàn-năng đã ra tay cứu-chữa. Hiện nay tôi đã được mạnh, ăn uống như thường; song sức-lực vẫn còn yếu lắm. Vậy, trước khi cảm ơn lòng thương-xót của anh em, tôi xin lớn tiếng ngợi-khen Chúa là Đấng ban cho sự cậy-trông khi chẳng còn lẽ trông-cậy, và hằng săn-sóc bao-bọc chúng ta cách hoàn-toàn.

Tôi khởi-sự đi thăm-viếng các Hội-thánh trong Nam-kỳ Địa-hạt từ đầu tháng Juin. Xin anh em nhớ cầu-nguyện thêm để Chúa bổ sức mạnh cho tôi trong sự hầu việc Ngài. Cảm ơn lắm.—*Bùi-tự-Do.*

An-hóa.—Nhà giảng này đã xây-cất lại rồi, bề dài 17m50, bề ngang 9m. Có 13 khuôn cửa sổ, và một khuôn cửa cái, 4 cánh đều lam lá sách. Cột cái 1 tấc 8 vuông, ván bồ-kho toàn bằng cây dầu.

Nhờ lời cầu-nguyện của các qui hội, khi anh em chúng tôi nhóm-họp làm-lụng, mọi sự đều được bình-an vui-vẻ lắm. Về việc này, thầy truyền-đạo Lê-văn-Cung coi mục, anh em trong hội cứ làm theo. Khởi-công làm có sáu ngày thì dựng được, không tốn tiền công chỉ cả, vì anh em tinh-nguyện đồng tâm hiệp lực, người dâng của, kẻ dâng công. Ông Liên, ông Nghi, ông Quế thay phiên chịu gạo ăn cho đến khi làm xong. Mấy ông này ở làng Giao-long. Còn tiền mua đồ-ăn hằng ngày thì mỗi tín-đồ dẫu thêm mỗi người mỗi ngày một xu cũng đủ. Cảm ơn Chúa, sự hiệp một của tín-đồ thật có năng-lực vô-song.

Cái nền nhà giảng đắp đất, bề cao 6 tấc tây, bề dài 19 thước, bề ngang 10 thước, khởi-công làm có một ngày thì xong cả, không tốn xu nào.

Nội vụ làm nhà giảng này tốn-kém chừng 600\$00, thật rẻ lắm. Tín-đồ hứa dâng tiền còn thiếu 150\$00 nữa. Bây giờ còn đương làm cửa. Mà cũng còn đương thiếu tiền bấy nhiêu đó. Xin các qui hội cầu-nguyện Chúa thêm, hầu chúng tôi góp đủ, khởi bề nợ-nần. Muốn thiệt hết lòng.—*Ban trị-sự.*

Vinh-long.— Ông Lê-văn-Mưu, cựu Hương-cả, người làng Sơn-đông, trải mấy chục năm trường, chuyên tâm tìm sự cứu-rỗi hồn mình, song không thấy hiệu-quả chi. Đến năm 1931, ông thường đến nghe giảng trong vài tháng, thì Chúa kêu-gọi ông. Ông bèn biết rõ sự được cứu-rỗi linh-hồn là bởi chỉ nhờ công-lao huyết-báu của Chúa Jê-sus trên thập-tự-giá. Ngoài Ngài, không đâu có nữa (Sứ 4:12). Hiện nay ông đã xây mình trở về phục-sự Chúa Jê-sus và dẫn-dắt được ít con chiên lạc trở về chuồng Chúa nữa. Song le ma-quỉ còn ngăn-trở gia-quyến ông: vợ con chưa chịu tin Chúa. Xin nhớ cầu-nguyện Chúa kêu-gọi cả gia-quyến ông đến cùng Ngài. Đa-tạ.—*Lê-văn-Trầm.*

Ba-tri.— Xin các quý ông bà trong Đức Chúa Jê-sus-Christ làm ơn cầu-nguyện giúp cho con tôi có số tiền để về trường Kinh-thánh mà học năm nay. Vì tôi có một đứa con trai, tên là Lê-phước-Cang, 20 tuổi, xứng-đáng về học trường Kinh-thánh lắm; song le, tôi nghèo-nàn quá, không có tiền cho nó đi học được. Vậy xin quý ông bà cứ nài-xin Chúa, hầu cho Chúa cảm-động ai có lòng yêu-thương giúp-đỡ cho nó, thì tôi rất vui-mừng. Tạ ơn Chúa và cảm ơn các quý ông bà. Muốn thiệt hết lòng.—*Lê-thành-Lôi.*

TRUNG-KỲ

Thánh-kinh Học-đường, Tourane.— Đến **26 Aout 1932**, nhà trường sẽ bắt đầu khai trường. Chiều theo tờ biên-bản của Ban trị-sự chung, hễ học-sanh nào muốn trở ra học thêm năm tới này, hoặc có người nào chưa từng học mà muốn xin nhập trường, thì thầy đều phải gửi thư cho ông Đốc-học Hazlett tại Hội Tin-lành, Đa-lat, để xin tờ vấn-đáp. Bằng chẳng làm vậy, và không được Liệt-Giáo Chức-Viên nhà trường công-nhận cho, thì không được phép đi học.

Nha-trang.— Trước khi chưa tin theo Chúa, tôi ho nặng lắm: thầy này, thuốc kia, mà bệnh vẫn càng ngày càng thêm, thân-thể càng ngày càng hao-mòn, rất là nguy-hiêm. Đến nay tôi biết Chúa, bèn đem bệnh ấy nhờ ông mục-sư và anh em trong Hội-thánh lấy đức-tin mà cầu-nguyện cho, thì Ngài đã chữa lành cho tôi rồi, lại ban thêm sức mạnh nữa.

Thiệt là tài Cứu-Chúa rất lạ! Vậy xin anh em trong Chúa đồng-thanh với tôi mà hát A-lê-lu-gia.

Nhưng trong lúc này, tôi lại mất việc làm, là vì có đánh máy mấy tờ giấy cáo-bạch để mời anh em tới nhóm-họp, nghe Mục-sư Pruett giảng tại Hội Nha-trang.

Nhưng đều đó là tại tôi sơ-y, vả lại cũng vì danh của Chúa. Xin anh em phải suy-nghĩ với tôi: đó là con thử-thách và sự sửa-phạt của Chúa. Vả, chúng tôi đối với Chúa chưa hề đổ huyết, chớ Chúa đã vì chúng tôi mà đổ huyết rồi, cho nên tôi chẳng hề ngã lòng. «Vi Chúa sửa-phạt kẻ yêu, hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt» (Hê 12:6). Dầu Chúa ban ơn cho tôi biết như vậy, nhưng, về phần xác-thịt của tôi, thì yếu-đuối, không biết sa-ngã lúc nào! Vậy, tôi xin anh em lúc nào cầu-nguyện cũng nhớ đến tôi, để cho tôi trở nên con-cái yêu-dấu của Chúa.—*Võ-đình-Đài.*

BẮC-KỲ

Nam-định.— Độ mấy tháng nay, ông Vũ-tự, tin-đồ, xem Kinh-thánh, sách Ma-la-chi, đoạn 3, lòng ông cáo-trách, đến nói với tôi rằng: «Nếu không dâng phần mười, thì là ăn-cắp tiền của Chúa.» Khi ấy, ông về nhà, mua một cái rương con, khoét một lỗ ở trên, rồi ông khóa lại, giao chìa khóa cho tôi giữ. Cứ mỗi ngày, ông trích một phần mười bỏ vào; mỗi tuần, đem đến nhà hội một lần, mở rương ra, lấy tiền dâng cho Chúa. Ông vui lòng làm đều này đã hai tháng rồi. Chúa đã mở cửa từ trời ban phước cho ông nhiều. Vậy, nếu tin-đồ Chúa đều làm như vậy, thì lo gì sự thiếu-thốn và Hội-thánh không được tự-trị.—*Nguyễn-xuân-Diệm.*

Ninh-giang.— Ở làng Lê-xá, cách xa Ninh-giang độ hơn 20km, ông Lý và ông Giáo có lòng tin Chúa. Xem tình-hình làng này, có dịp rất tốt để làm chứng cho người ngoại. Ông Lý và ông Giáo rất ước-ao được giảng ở đây. Xin anh em cầu-nguyện cho làng này được phép giảng.—*Vũ-dan-Chinh.*

Mỹ-lộc.— Ngày 11 Juin 1932, bà cụ là mẹ ông Phó Chính, tức là nhạc-mẫu ông chấp-sự Trần-khắc-Kính, đã về với Chúa. Vậy xin có lời trân-trọng chia buồn cùng tang-gia.—*Nguyễn-xuân-Diệm.*

KINH-THÁNH LÀ NGUỒN PHƯỚC

(Nguyên-văn chữ Nho của Dương-vũ-Thỉnh)

I. CHÁNH-GIỚI ĐƯỢC PHƯỚC

Xưa Ni-cô-đem là một quan cai-trị dân Giu-đa, ban đêm đến cùng Đức Chúa Jê-sus (Giăng 3: 1-21). Lúc ấy, tâm-thần ông còn nhút-nhát, hay đâu khi được Chúa dạy-bảo, nhờ Đức Thánh-Linh giúp sức, ông bèn bạo-dạn làm chứng danh Chúa trước mặt dân-chúng (Giăng 7: 50-51). Chẳng những vậy thôi, lúc Chúa chịu nạn, ông mạnh nghị-lực, đem thuốc thơm đặt chôn xác Chúa (Giăng 19: 39-41). Nếu chẳng nhờ ơn Chúa, sao ông được vậy?

Ni-cô-đem vốn một nhà quan,
Chánh giới, tài cao, trị nước an.
Lòng muốn tìm-tòi nghe đạo thật,
Bước đường cao-thượng ít người toan.



II. QUÂN-GIỚI ĐƯỢC PHƯỚC

Cột-nây làm đội-trưởng của đội binh Y-ta-li. Lúc ông cầu-nguyện, có vị thiên-sứ giáng-lâm khen rằng: Lời cầu-nguyện người thấu đến Đức Chúa Trời, Ngài đã ghi-nhớ (Sứ-đồ 10: 1-8). Thiên-sứ lại truyền sai người qua thành Giố-p-bê mời Phi-e-rơ đến dạy đạo. Khi Phi-e-rơ đến, chẳng những Cột-nây được cứu, mà cả nhà và thân-hữu ông cũng đều được gội-nhuần ân-tứ thiêng-liêng nữa. Được ích như vậy, há chẳng bởi tin Chúa sao?

Cột-nây, đội-trưởng, vốn người lành,
Giữ nước, yêu dân, đã có danh;
Kính Chúa, yêu người, lòng giữ vẹn,
Mấy lời khẩn-nguyện thấu Thần-minh.



III. HỌC-GIỚI ĐƯỢC PHƯỚC

Sau-lor có tài học-vấn, thợ-nghiệp với Ga-ma-li-ên. Khi ông chưa nhìn-nhận Chúa, thì bắt-bớ Hội-thánh dữ-dội. Đến sau nhờ Chúa cảm-hóa, ông bèn trở nên người mới (Sứ-đồ 9: 1-22). Khi được đổi tên là Phao-lô, ông quyết chí đi truyền-bá đạo Chúa khắp Á, Âu, khiến biết bao người được cứu. Ông được năng-lực ấy, há chẳng nhờ Chúa sao?

Hùng-hào khí-phách bạn rừng vắn,
Bỗng chốc coi khinh việc cõi trần;
Truyền-bá Tin-lành, đi khắp chốn,
Miễn là được Chúa, quản gì thân....

IV. NÔNG-GIỚI ĐƯỢC PHƯỚC

Đời thượng-cổ có Nô-ê, là một tay cấy-cấy và trồng nho (Sáng-thế 9: 20). Đức Chúa Trời thấy ông thành-tâm kính-sợ Ngài, nên dạy ông đóng một chiếc tàu để tránh cơn hồng-thủy. Khá thương cho người đời lúc bấy giờ đều bị hủy-diệt, vì có tội-ác, chỉ tám người nhà Nô-ê được cứu thôi (Hê-bơ-rơ 11: 7). Được hạnh-phước ấy, chính bởi ông hết lòng tin Chúa.

Nô-ê xưa cũng gã nông-phu,
Giữ một lòng tin vẹn trước sau;
Lời Chúa vâng theo, tàu đóng sẵn,
Cứu mình, cứu vợ, cứu con, cháu.



V. CÔNG-GIỚI ĐƯỢC PHƯỚC

A-qui-la làm nghề may trại, tin Chúa hết lòng. Khi Thánh Phao-lô đi truyền đạo Chúa tại thành Cô-rinh-tô, có ở ngụ nhà ông (Sứ-đồ 18: 1-11). Vợ ông là Bê-rít-sin cũng thật lòng kính Chúa. Cả nhà đã được cứu, ông lại làm cho nhiều người được nhờ ơn Ngài. Thật vậy, người nào hết lòng lo việc Chúa, thì được ích nhiều.

A-qui-la vốn một nhà công,
May trại nghề riêng ở xứ Bông,
Giữ một lòng tin, truyền đạo thật;
Lắm người được cứu bởi nhờ ông.



VI. THƯƠNG-GIỚI ĐƯỢC PHƯỚC

Xưa nàng Ly-đi buôn hàng sắc tia, quê ở thành Thi-a-ti-rơ. Khi nghe Phao-lô giảng xong, nàng cảm-phục, bèn trở về đạo thật; rồi lại làm cho cả nhà được cứu nữa (Sứ-đồ 16: 14-15). Từ đó trở đi, thành một gia-đình hạnh-phước.

Khen tài buôn-bán chị Ly-đi!
Giữ dạ công-bình, ít kể bì.
Lại có lòng thành tôn-kính Chúa.
Danh thơm muôn thuở, sách còn ghi...
—Mục-sư Hoàng-trọng-Thừa dịch.



KINH-THÁNH ở trong trí-nhớ có giá hơn Kinh-thánh ở trong thơ-viện.



MÈO LÀM CON NUÔI NGƯỜI

TÔI nghe nhà tôi nói với con gái, tên là Chiêu, rằng:

—Con ơi, con biết rõ rằng ba không cho phép làm như thế.

Nhưng Chiêu đi thẳng đến bàn giấy tôi, hai tay nâng-niu con mèo xấu xí, khốn-nạn mà tôi chưa từng thấy. Cảm-động thay!... Nó đứng trên ngạch cửa, nhìn tôi bằng cặp mắt nài-nỉ, đương khi tôi xem-xét con mèo và nét mặt hiện vẻ ghê-tởm...

Nó bắt ở đầu được con mèo đáng khinh, đáng ghét kia? Tôi không biết, nhưng mèo hôi-dơ gớm chết và gầy-ốm đến nỗi chỉ có da bọc xương! Úi chà, cặp mắt có bệnh, đỏ ngầu và dính những nhũn rử (ghèn). Lại thêm cái mũi nhỏ xíu đen ngòm và bần-thiểu! Xin thú thực rằng tôi không yêu loài mèo, cả đến những con đẹp nhưt cũng vậy, và không chịu nuôi con nào ở trong nhà. Thế thì con mèo này bị tôi gớm-ghét là dường nào! Nhưng sự thương-xót êm-ái của Chiêu cảm-động lòng tôi, nên tôi chỉ nói với nó rằng:

—Con đem mèo ra đằng sau nhà, cho nó ăn; song, con ơi, không nuôi nó được đâu.

Tôi bèn nghĩ phương nhưn-hiền hết sức để thoát khỏi con vật khó ưa. Đến

mai, lúc Chiêu đi học vắng, tôi sẽ sai người bỏ mèo vào bao, để bao lên xe-ngựa.... Đánh xe từ nhà đến giữa miền đồng ruộng, gần nhà ông chủ trại có vẻ nhưn-đức, rồi thả mèo đi. Lúc Chiêu về, tôi sẽ cho một con búp-bê để giúp nó quên mèo....

Suốt buổi chiều, tôi bận làm việc trong buồng giấy, nhưng thỉnh-thoảng nghe đằng sau nhà có tiếng cạ-cạ khác thường xen thêm mấy tiếng «meo, meo» nhỏ-nhỏ. Về sau, tôi biết tại đó có sà-bong, thau nước nóng, bàn chải và khăn mặt, là bốn món



Mèo làm con nuôi người

dùng để tắm-rửa con mèo, làm cho nó dẫu đã được ăn no bánh nhúng sữa pha đường, nhưng cũng hầu như trơ cả gân xương ruột gan tim phổi, vì lông dính vào da!

Trời khuya rồi; tôi vẫn đứng một mình, bỗng muốn uống chút nước mát lạnh, bèn vào bếp.

Một tiếng «meo» nhẹ-nhẹ từ góc bếp đưa ra xui-giục tôi nhìn con mèo ở chỗ này một mình. Tôi xây lại, thấy nơi ăn chốn ở rất sang mà mèo tốt phước thuê được...

Cô bé làm ơn cho mèo dám liều làm méch lòng tôi bởi cho mèo vào bếp ngủ suốt đêm; và này, cách dọn-dẹp ngăn-nấp biết bao! Chiêu chọn các

món mịn-màng trong chính nôi con búp-bê, đem vào xó này để kê cái giường êm; gần bên có đĩa đựng một phần bữa tối của Chiêu. Sau rốt có nắp hộp sắt tây để dưới đất, đựng nước mát lạnh cho mèo uống lúc khát. Chắc nó thích, song không dám để mèo ngủ chung giường với mình!

Tôi đứng sững, chẳng nói chẳng rằng vì rất lấy làm lạ! Chiêu không có thói trái lời cha mẹ, nhưng trong việc này, tôi xét nó dường hơi ngô-ghịch. Rồi, tôi thỉnh-linh thoáng thấy trọn tình yêu-thương của Chiêu tỏ ra với con mèo khốn-nạn. Lúc ấy, mèo nhìn tôi bằng cặp mắt đỏ ngầu và đi xiêu-tó đến nơi tôi. Tôi bỗng nó tử-tế, đặt lại vào giường, bước ra, đóng cửa, lên lầu, vào phòng Chiêu.... Tôi nhìn hồi lâu, thấy nó ngủ yên giấc, đầu tóc đen nhánh xòa trên chiếc gối.

Sáng bữa sau, lúc mặt trời chiếu tia sáng đỏ-ối qua cửa sổ vào phòng Chiêu, tôi ngồi bên giường nó. Thấy bàn tay tôi vuốt-ve trán nó, Chiêu bèn mở choàng mắt. Tôi nói:

—Con ơi, ba báo tin lành cho con.

Nửa thức nửa ngủ, vẻ mặt lạ-lùng, nó hỏi:

—Cái chi vậy, thưa ba?

—Này, chúng ta sẽ nuôi con mèo kia trong nhà!

YÊU EM, ANH CHỊU PHẠT THAY!

HỒI còn nhỏ dại, tôi không vâng lời dương lúc ăn bữa lót lòng. Cha tôi bèn nói nặng rằng: «Minh! xuống ghế đi, ra đứng ngoài lối đi năm phút.»

Tôi cảm tiếng thồn-thức đã đưa lên tới cổ họng, đành ra đứng gần cửa; cửa liền đóng lại. Tôi tưởng giây phút bấy giờ thật dài đằng-dẵng, nước mắt rơi xuống nền gạch như hạt mưa rào. Bỗng có tiếng vặn khóa, và mái tóc quăn của anh Huy thò ra ngoài. Anh vòng tay quanh cổ tôi mà rằng:

—Em Minh, em trở vào phòng ăn đi, tôi chịu làm đũa dũ-tợn thế cho em.

Tôi chưa kịp nghĩ ra sao, thì anh Huy đã đẩy tôi vào phòng và đóng cửa.

Bấy giờ Chiêu nhảy chồm lên, quàng tay vào cổ tôi:

—Ồ, thưa ba, vui biết bao! Con ưa thích tin ấy nhưt đời!

Này, tôi bắt nghĩ đến Chúa Jê-sus!

Cũng như con mèo nhỏ, tôi phạm tội, nên là loài góm-ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời. Tôi bị bao-trùm bởi bùn ý riêng; tôi yếu-đuối, khốn-cùng, hư-mất, đau mắt, chẳng đáng cho ai ưa. Nhưng có một Đấng thấy tôi chìm-dắm trong biển ô-ước, tội-lỗi; có một Đấng yêu-thương, thấu-luộm, tắm-rửa tôi, và đem tôi vào nhà Cha tôi.

Bây giờ con mèo ở trong nhà rồi. Nó được chăm-nom cẩn-thận, nên mau mập-béo, lông mịn-màng, bóng mượt, trắng-tinh. Chắc các em chưa từng thấy con mèo nào chơi-giỡn và mạnh-dạn bằng nó.

Bữa qua, tôi đang gọi giầy nói, bỗng phải đẩy con mèo xinh-đẹp đứng trên cổ mình; nó kêu gù-gừ, ngăn-trở tôi trò-chuyện! Các em ơi, phải, nó thật được nhận làm con nuôi.

«Anh em đã chẳng nhận lấy thần-trí của tôi-mọi đặng còn ở trong sự sợ-hãi; nhưng đã nhận lấy thần-trí của sự làm con nuôi» (Rô-ma 8: 15).

Ồi! Lạy Chúa Jê-sus! Ồi! Lạy Cứu-Chúa! không ai sánh kịp!—W. S. (*L'Aube*).

Tôi đứng trân... Cha tôi nắm tay tôi, hôn tôi và dẫn tới chỗ cũ. Tôi được tha vì anh Huy chịu phạt thay tôi.

Sau năm phút đó, cha bỗng cả hai đưa trên đầu gối: tôi dũ-tợn và anh Huy rộng-rãi liễu mình. Tôi mũi lòng và ăn-năn đến nỗi khôn cầm nước mắt.

Này, trước kia tôi đứng gần cánh cửa đóng kín giữa Cha trên trời và tôi. Tội-lỗi là cánh cửa ngăn-trở tôi đến trước mặt Đấng dựng nên mình.

Xưa Chúa Jê-sus, cũng như anh tôi, đã chịu hình-phạt thay tôi, và dẫn tôi đến gần bên Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta.—(*L'Aube*).

CÂY DỄ-BỘP

Dạn nắng, quen mưa, đứng giữa trời,
 Gan lì, già sọc, há thua ai?
 Gốc chôn đá trắng, gương chưa bợn;
 Nhanh vương dầu xanh, vạ chẳng sai.
 Dưới bóng, mỗi chơn, dừng tạm nghỉ;
 Trong nhà, đẹp tượng, chớ coi chơi.
 Thế-gian, sức mạnh ai khoe đó?

Kìa, lửa thiêng-liêng cháy sáng ngời!—T. P.

Ở bôn-xư không có cây dễ-bộp, (cũng là cây dễ và cây tòng nữa. Ê-sai 2: 12, 13; 10: 33, 34), nhưng ở xứ Ca-na-an thì có nhiều lắm. Theo tiếng Hê-bơ-ơ, thì tên cây này là «el-ah,» ý-nghĩa là «sức mạnh.» Cây này thật rất to-lớn và khỏe-mạnh. Gỗ nó rắn-chắc, được nổi tiếng trong nhiều xứ. Nó thật là hình-bóng về sức mạnh.

Áp-ra-ham ngồi dưới bóng cây dễ-bộp, khi Đức Giê-hô-va cùng hai thiên-sứ đến thăm-viếng ông (Sáng 18: 1-8). Cả bốn người đều ngồi đó, khi Chúa sắp đi hủy-diệt Sô-dôm và Gô-mô-ơ. Hiện nay người ta đi đến xứ Ca-na-an, còn thấy ở Hếp-rôn có một cây dễ-bộp to quá, mà lắm kẻ nói rằng đó thật là cây từ đời Áp-ra-ham.

Ghê-đê-ôn cũng đã tiếp-rước thiên-sứ của Đức Giê-hô-va ở dưới bóng

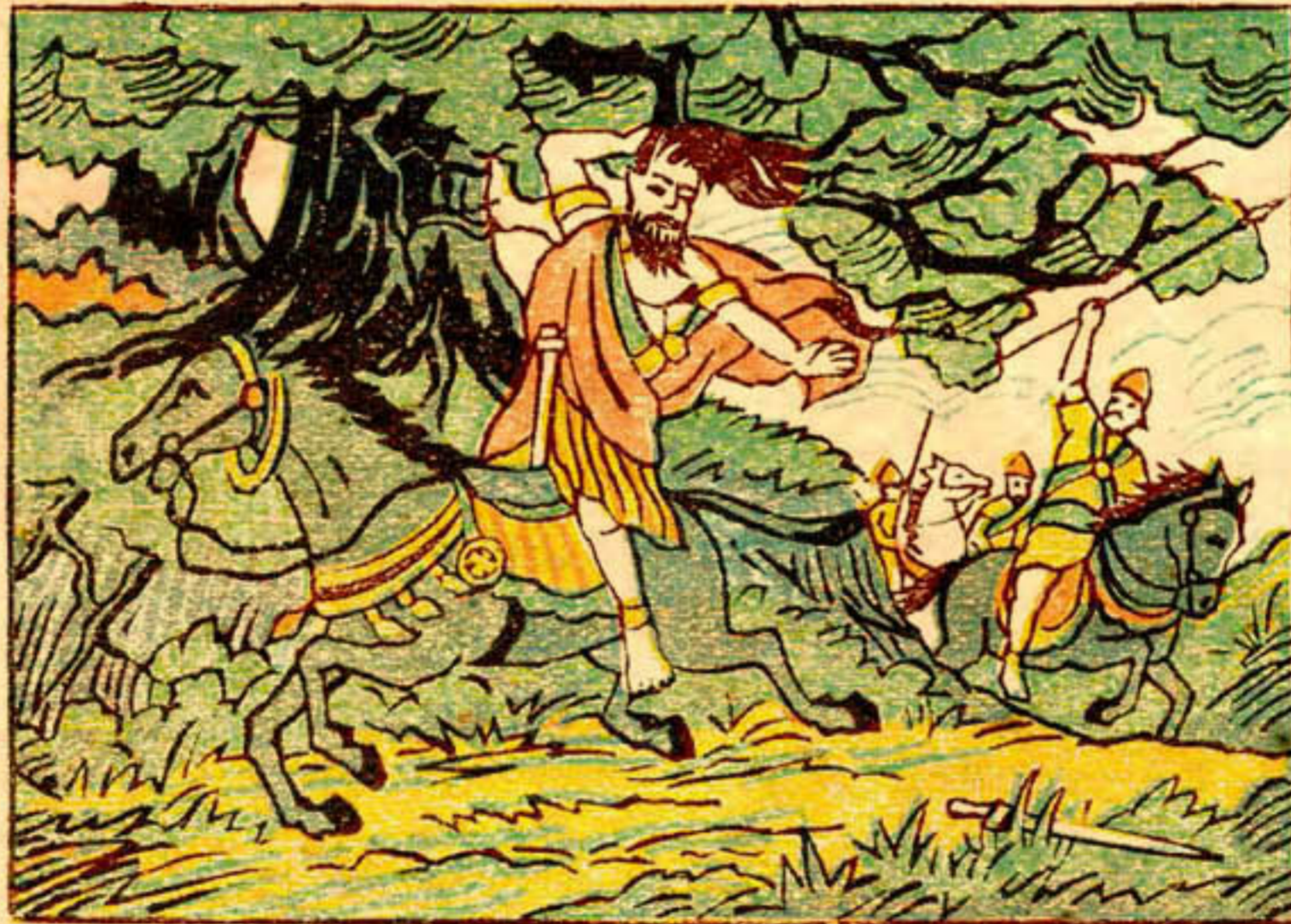
cây dễ-bộp (Các Quan Xét 6: 11-19. Theo tiếng Hê-bơ-ơ, cây thông cũng là cây dễ-bộp). Trong I Các Vua đoạn 13, ta đọc về một người của Đức Chúa Trời đã đi bảo vua gian-ác về sự đoán-xét của Chúa. Khi đang đi về, người mệt-mỏi, bèn ngồi ở dưới gốc cây dễ-

bộp. Lúc ấy, người bị cám-dỗ đến nỗi sa-ngã và chết.

Có một khi nữa, Áp-sa-lôm, con của Đa-vít, bởi sự kiêu-ngạo, dấy loạn nghịch cùng cha mình và Đức Chúa Trời. Ông này thật bị đoán-xét, vì khi trốn

trong đồng rừng, thì đầu ông vương trong nhánh cây dễ-bộp, đến nỗi bị giết (II Sa-mu-ên 18:).

Gia-cốp đã chôn các hình-tượng và các đồ cúng ở dưới cây dễ-bộp, khi ông này dẹp nhà mình và thờ-lạy Chúa cách trọn- vẹn (Sáng 35: 4). Vua Saulơ cũng được chôn ở dưới một cây dễ-



Đầu Áp-sa-lôm vương nhánh cây dễ-bộp



bộp (I Sứ-ký 10 : 12). Mụ vú của bà Rê-be-ca cũng bị chôn ở dưới một cây ấy (Sáng 35 : 8).

Dưới cây dễ-bộp, Giô-suê lập một hòn đá lớn để làm chứng về lời hứa của dân Y-sơ-ra-ên rằng họ hết sức muốn vâng-phục Chúa (Giô-suê 24 : 26, 27).

Các đấng tiên-tri nói nhiều về cây này là thí-dụ về sức mạnh của thế-gian bị đoán-xét. (Ê-sai 1 : 30 ; 2 : 13 ; 6 : 13, vãn vãn ; A-mốt 2 : 9 ; Xa-cha-ri 11 : 2). Sức mạnh của thế-gian đều

được người ngu mền-chuộng, nhưng sẽ bị hủy-diệt bởi lửa ra từ Đức Chúa Trời, như lửa thiêu-đốt cây dễ-bộp của Ba-san ! (Xem Ê-sai 44 : 14 ; Ê-xê-chi-ên 27 : 6 ; 6 : 13).

Cây này vi như sức mạnh của thế-gian, không kết quả hoặc trở hoa đâu ! Chỉ có con lợn ăn lộc cây này mà thôi. Nó thật vô-ích và không đẹp-dẽ như cây hạnh-đào. Hãy đồ sự đoán-xét trên sức mạnh của thế-gian ! — *Chi Hoa-Hồng.*

TUỔI XANH GIEO ĐẠO

Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy,

Cho em ăn học, bữa rày phải thi.

TRONG kỳ thi Tiểu-học vừa rồi, ở hạt Sóc-trăng, chỉ một mình em là tuổi nhỏ, tài sơ, học kém. Em cầu-nguyện Chúa cho em đậu được chữ quốc-ngữ là may ; phước đâu Chúa cho em đậu luôn cả món chữ tây nữa. Thật vậy : «Đức Chúa Trời bởi quyền-lực cảm-dộng trong chúng ta, có thể làm trỗi hơn vô-cùng mọi sự chúng ta cầu-xin hoặc suy-tưởng» (Êph. 3 : 20).

Qua buổi chiều hạch miệng, ông giám-khảo hỏi chữ quốc-ngữ và hạch tiếng tây, rồi chiếu lệ thường, xét giấy căn-cước của em. Thấy em là con của mục-sư, ông mỉm cười mà nói rằng:

«Bữa trước, tao đi ngang qua nhà giảng, nghe bà mầy đứng giảng, rồi ứng-thanh nói rằng : ‘Này là lời Đức Chúa Trời phán...,’ láo thật !» Nhơn dịp, có quyển sách tây của ông mới đưa cho em đọc đó, em bèn xin lỗi ông mà hỏi rằng : «Sách này là lời của ông chép sách hay là lời của ai ?» «Lời của ông chép sách,» ông giám-khảo trả lời. Em tiếp : «Cũng một thể ấy, cha em thuật lại lời Kinh-thánh là lời của Đức Chúa Trời. Ai tin, thì linh-hồn được cứu.»

Vậy xin Hoa-Tâm-Hội nhớ cầu-nguyện cho hột giống Tin-lành được mọc lên ở trong lòng ông ấy. Cảm ơn.
— *Phan-xuân-Thiện.*

DANH-SÁCH NHỮNG EM VÀO HOA-TÂM-HỘI

(Tiếp theo)

786 Trương-văn-Trà. 787 Trương-thị-Chút. 788 Trần-văn-Lãng. 789 Trần-văn-Thượng. 790 Nguyễn-thị-Tân. 791 Nguyễn-thị-Tiếp. 792 Nguyễn-thị-Chiều. 793 Nguyễn-thị-Thuấn. 794 Nguyễn-thị-Thừa. 795 Nguyễn-văn-Lô. 796 Nguyễn-văn-Phấn. 797 Nguyễn-văn-Nhu. 798 Nguyễn-ngọc-Xương. 799 Nguyễn-ngọc-Anh. 800 Nguyễn-văn-Hiền. 801 Nguyễn-linh-Quy. 802 Trần-đi-Quanh. 803 Trần-thị-Biên. 804 Nguyễn-văn-Chính. 805 Trần-thị-Nhâm. 806 Nguyễn-văn-Bò. 807 Lê-thị-Bé. 808 Ngô-thị-Tiên. 809 Tống-văn-Húi. 810 Tống-văn-Sấn. 811 Trần-văn-Tốt. 812 Phan-thị-Đàng. 813 Phan-văn-Thi. 814 Trần-thị-Khoách. 815 Trần-văn-Hanh. 816 Trần-thị-Hoàng. 817 Trần-hữu-Thanh. 818 Trần-hữu-Liêm.

819 Trần-thị-Dân. 820 Trần-thị-Cương. 821 Nguyễn-văn-Giáp. 822 Nguyễn-thị-Hình tức Chín. 823 Nguyễn-trung-Tôn tức Mười. 824 Nguyễn-thị-Xã. 825 Nguyễn-thị-Thề. 826 Đặng-văn-Trị. 827 Đỗ-văn-Chân. 828 Đỗ-văn-Chơn. 829 Đỗ-thị-Y. 830 Nguyễn-thị-Tur. 831 Huỳnh-thị-Lurót. 832 Phạm-thị-Kim. 833 Phạm-văn-Nguyên. 834 Nguyễn-văn-Chuộng. 835 Lê-văn-Huy. 836 Nguyễn-thị-Xên. 638 Nguyễn-thành-Kiệu. 838 Trịnh-đình-Cường. 839 Bùi-huy-Thúy. 840 Đỗ-huy-Cầu. 841 Đỗ-huy-Kiều. 342 Nguyễn-văn-Mạnh. 843 Nguyễn-văn-Mầu. 844 Nguyễn-thị-Nhiệm. 845 Bùi-thái-Sang tức Chính. 846 Vi-văn-Tuyền. 847 Vi-thị-Thiều. 848 Vi-thị-Tuần.



GIẢI NGHĨA THƠ CÔ-RINH-TÔ THỨ NHỨT

(Tiếp theo)

J. DRANGE OLSEN

2) Các giáo-sư đạo Tin-lành đối với nhau (câu 8, 9).—Trong cuộc tranh-cạnh về các giáo-sư mình, tín-đồ Cô-rinh-tô có xui-giục giáo-sư này phản-nghịch cùng giáo-sư kia. Nhưng Phao-lô chỉ tỏ ra rằng hễ ai làm vậy rất là ngu-dại, không hiểu chỗ tương-quan chơn-chánh của các giáo-sư đối với nhau là thế nào. Nên ông rằng: «Người trồng, kẻ tưới đều bằng nhau; ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình đã làm. Vả, chúng tôi là bạn cùng làm việc với Đức Chúa Trời; anh em là ruộng của Đức Chúa Trời cấy, nhà của Đức Chúa Trời xây.»—Hai câu này dạy rõ các giáo-sư đạo Tin-lành đều bình-đẳng với nhau, chẳng có người hơn kẻ kém. Sự bình-đẳng ấy có ba mặt như sau này:

a) **Bình - đẳng về chức - vụ.**—«Người trồng, kẻ tưới đều bằng nhau.»—Sự trồng tưới tuy khác nhau mà cũng cùng chung một công-việc, nên các tôi-tớ Chúa đều có phận-sự khác nhau, tài-năng chẳng giống nhau, thì cũng đồng một chức-vụ đó thôi, tức là cùng làm việc trong một đám ruộng của Đức Chúa Trời. Bởi vậy cho nên họ đều có sự bình-đẳng nhau, kẻ nầy chẳng dám khoe mình là đứng trước kẻ kia, hoặc người kia bị buồn vì là phải đứng sau. Hết thấy đều bằng nhau, vì đồng cùng nhau mà làm một chức-vụ vậy. Thế thì, tại vì sự tranh-cạnh về tôi-tớ của Chúa, mà xui mưu cho kẻ nầy đối-địch cùng kẻ kia, kẻ

kia tranh-cạnh cùng người khác, thiết là trái-nghịch với chơn-tánh của sự tương-quan lẫn nhau trong họ.

Chúng ta chớ quên rằng các giáo-sư và kẻ truyền-đạo Tin-lành không phải là những người phản-đối nhau, hoặc ganh-tị nhau đặng giành công kiếm chức đâu, bèn là bạn cùng làm một việc, lo về một chức-vụ, có ý-tưởng và một mục-đích với nhau, ấy là giảng-dạy đạo Tin-lành, dẫn-dắt người ta trở lại cùng Đấng Christ. Có lẽ họ có tâm-tình khác nhau, sự hiểu-biết khác nhau, tài-năng trí-thức cũng khác nhau, nhưng về chức-vụ lớn, là sự cứu-rỗi linh-hồn người ta và làm sáng danh Đức Chúa Trời, thì họ đều hiệp một lòng một ý mà làm cho xong. Thế thì, tín-đồ chẳng nên yêu-chuộng kẻ nầy rất mực mà chối-bỏ người kia quá lẽ, đến nỗi không thêm đoái-hoài đến chút nào. Cũng chẳng nên quá tôn người nầy mà khinh-suất kẻ khác. Vì trước mặt Chúa họ «bằng nhau;» nếu Chúa đành lòng dùng người nầy cũng như kẻ kia, thì ai dám phân-biệt ai, khinh, trọng ai?

b) **Bình - đẳng về cách sẽ lãnh phần thưởng.**—Tôi-tớ của Chúa không những bình-đẳng về chức-vụ, mà lại cũng bình-đẳng về cách-thế sẽ lãnh phần thưởng nữa. Nên chi Phao-lô có ý dạy rằng: «Ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình đã làm.»—Dẫu họ có tài-năng, ân-tử khác nhau, phận-sự Chúa giao cho họ làm

cũng khác nhau, người này trông, kẻ kia tươi; nhưng mà hễ tôi-tớ nào trung-tín thì sẽ lãnh phần thưởng, chẳng một ai trong họ sẽ mất phần thưởng mình bao giờ. Vả, tuy phần thưởng họ sẽ lãnh là khác nhau, song cái qui-tắc của Chúa dùng để đoán-định về các phần thưởng ấy chỉ có một mà thôi, tức là «tùy theo việc mình đã làm.» Thế thì, Đức Chúa Trời không tùy theo sở-năng tài-đức hay là sự người ta khen-ngợi ít nhiều mà ban phần thưởng cho ai đâu, bèn là chiếu theo công-việc mình đã làm. Cũng chẳng phải tại sự may-mắn kết-quả lớn mà ai sẽ được lãnh phần thưởng gì đâu, bèn là tại cách-thể mình đã làm phận-sự mình vậy. Qui-tắc ấy khiến cho kẻ tài nhỏ cũng có thể được phần thưởng bằng người có tài lớn.

Giả như, kẻ truyền-đạo này có tài hèn sức yếu, mà hay làm phận-sự mình một cách trung-tín, sẵn lòng vì danh Chúa chịu cực-khổ, vì linh-hồn anh em mà từ-bỏ mình, chịu nhọc-nhằn lo làm chức-vụ mình, không bỏ một bần-phận nào cả; thế mà sự kết-quả rất ít, không bao nhiêu người về với Chúa bởi sự giảng-dạy của mình. Thật trước mặt người ta dường như chức-vụ của kẻ ấy không ra gì hết, và sự cực-nhọc của người ra luống-công vậy. Còn người truyền-đạo kia khác hẳn với người này, tài cao học rộng, nghị-lực lớn, tở-chức hay, nên không cần ráng sức chịu cực-nhọc như người này, thế mà công-việc người lại được may-mắn trước mặt thiên-hạ; kết-quả mĩ-mãn mọi bề, ai cũng phải khen-ngợi tôn-trọng, cho người đó là kẻ đã cố-gắng làm chức-vụ mình đến kỳ thành-công may-mắn. Hai người ấy, khi Chúa phân-phát phần thưởng thì thế nào? Người này sẽ được bằng người kia không? Hẳn chẳng những sẽ được bằng người kia mà lại có phần lớn hơn nữa; bởi vì Chúa xem-xét sự trung-tín, sự sẵn lòng chịu cực-

khổ vì danh Ngài, mà đoán-định phần thưởng lớn hay nhỏ. Ngài theo một lệ mà nhứt-định cho mỗi người là «tùy theo công-việc mình đã làm»; hễ ai làm cách trung-tín, quả sẽ lãnh phần thưởng lớn, dầu sự kết-quả của công-việc đó là lớn hay nhỏ mặc lòng. Còn kẻ kia ăn-ở cách không tận-trung, tuy bề ngoài dường như làm việc lớn, cũng phải mất phần thưởng chẳng sai.

Ấy vậy, kẻ truyền-đạo phải cần-thận về lòng của mình, coi thử có trung-tín đối với Chúa hay không? Phải kiếm thế làm mọi sự vì danh Chúa để làm sáng danh Ngài, hầu cho về sau sẽ được nghe tiếng êm-dịu của Chúa phán rằng: «Hỡi đầy-tớ ngay-lành **trung-tín** kia, được lắm; người đã trung-tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập người coi-sóc nhiều; hãy đến hưởng sự vui-mừng của Chúa người» (Mat. 25: 21).

e) Bình-đẳng vì đồng một Chúa.— Các giáo-sư của Hội-thánh không những là bình-đẳng với nhau về chức-vụ và về cách-thể mình sẽ lãnh phần thưởng, nhưng trong câu 9 Phao-lô lại dạy rằng mình cũng bình-đẳng nhau, bởi vì đồng một Chúa là Đấng đã chọn mình cùng làm việc với Ngài. Ông rằng: «Chúng tôi là bạn cùng làm việc với Đức Chúa Trời.»—Tôi-tớ Chúa chẳng có việc riêng nào, song đã lãnh phận-sự nơi Chúa, công-nhận Ngài làm Chủ của mình, đành lòng chăm-lo làm việc của Ngài mà thôi. Đã vậy, tôi-tớ Chúa chẳng phải là tự-chủ nữa, không phép tự-tiện làm gì cả, nhưng nhờ lời dặn-bảo của Chúa mà làm mọi sự. Tại thiệt-sự đó mà họ đều bằng nhau, cùng phục dưới quyền một Chủ, và đương làm chung một công-việc vậy.

«Chúng tôi là bạn cùng làm việc với Đức Chúa Trời.»—Câu ấy quý-báu và lạ-lùng là dường nào! Mọi người truyền-đạo là bạn của Chúa, được dịp-tiện cùng làm việc với Ngài! Họ đứng ra giảng-dạy và làm chứng về ơn Chúa, dẫn-dắt người ta trở về cùng Ngài, hoặc làm việc gì khác đặng giúp-đỡ

người ta biết Chúa, thì đều cùng Chúa làm các việc ấy. Chúa ở cùng người, dạy-dỗ người, cảm-động người, khiến cho lời người nói và việc người làm có linh-nghiệm. Thật, họ không thể nào làm một việc gì cho may-mắn, miễn là có Chúa ở gần mà ban ơn cho. Lại, chính Chúa cũng không thể nào làm việc gì trong thế-gian này, nếu không có họ giúp-đỡ Ngài, làm khi-giới của Ngài. Vậy, các đầy-tớ Chúa thật có dịp-tiện rất quý mà làm bạn cùng làm việc với Chúa.

Song chẳng những chỉ mấy người ấy mà thôi, các tín-đồ cũng có thể làm bạn cùng làm việc với Chúa nữa. Kỳ thực, tín-đồ đã sanh ra để hầu việc Chúa, và chính Chúa đã dự-định phận-sự của mỗi người thế nào và ở đâu. Nên trong Eph. 2 : 10 Phao-lô rằng : «Vi chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jê-sus-Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm-sẵn trước cho chúng ta làm theo.» Chúng ta không hiểu tại sao Ngài cần phải nhờ loài người mà làm cho xong ý-muốn của Ngài. Nhưng ta kê-cứu lịch-sử của nước Ngài ở dưới đất này từ xưa đến bây giờ, thì thấy Ngài thường tìm-kiếm sự tương-trợ của loài người, kêu-gọi kẻ này, lựa-chọn người khác, dựng làm hoàn-thành ý-chỉ của Ngài. Nên chi chúng ta thấy Nô-ê «đồng đi cùng Đức Chúa Trời», đóng một chiếc tàu «y như lời Đức Chúa Trời đã phán-dặn,» dựng cứu-vớt loài người khỏi bị hư-mất. Lại thấy Áp-ra-ham nghe sự kêu-gọi của Đức Chúa Trời, vâng-lời, lìa-bỏ nhà cha mẹ, quê-hương xứ-sở của mình mà đi đến xứ Chúa chỉ cho, hầu nhờ đó Chúa có thể sanh ra một dân mới và lớn, mà do dân ấy sẽ có Cứu-Chúa ra đời. Về sau có Môi-se, các đấng tiên-tri, bà Ma-ri, ông Giô-xép và nhiều kẻ khác đều được dự phần đến cái việc lớn để dọn đường cho sự hiện ra của Đấng Christ. Nếu không có những kẻ ấy khứng vâng theo ý-chỉ

của Đức Chúa Trời, thì mưu-sự của Ngài thành-công sao đặng. Hôm nay việc cứu-rỗi chưa xong, còn vô-số người chưa biết đến Chúa. Vậy phải có kẻ đi khắp mọi nơi mà thuật lại Tin-lành về sự cứu-rỗi, bởi đức-tin đến Đấng Christ. Vẫn biết sự cứu-rỗi vốn là việc Đức Chúa Trời làm, nhưng mà Ngài đành lòng dùng mọi tín-đồ cùng làm việc với Ngài, đi khắp bốn phương thuật lại cho mọi người về sự cứu-rỗi đó, chẳng trừ ai hết.

Chúng ta hết thấy nên tự hỏi lấy mình có phải đương lo làm phận-sự cho xong chẳng? Bằng không, Chúa chẳng thế nào làm cho hoàn-thành ý-muốn của Ngài về mình, mình phải mất phước làm bạn cùng Đức Chúa Trời, và lại mất phần thưởng lớn về sau nữa. Nguyện Chúa giúp-đỡ chúng ta như Nô-ê, Áp-ra-ham, các đấng tiên-tri, bà Ma-ri và các sứ-đồ, vâng-phục ý Ngài, sẵn lòng làm mọi sự «y như lời Đức Chúa Trời đã phán-dặn.»

d) Công-việc cày ruộng và xây nhà Đức Chúa Trời.—Những công-việc mà các giáo-sư đạo Tin-lành cùng làm với Đức Chúa Trời đó là gì? Ấy là cày ruộng của Đức Chúa Trời và xây-cất nhà của Ngài. Ruộng và nhà của Đức Chúa Trời đây có nghĩa gì? Phao-lô lại đáp : «Anh em là ruộng của Đức Chúa Trời cày, nhà của Đức Chúa Trời xây.»—Trong Kinh-thánh thường dùng ruộng hoặc vườn nho mà làm hình-bóng chỉ về Hội-thánh. Còn các giáo-sư đạo Tin-lành đều là kẻ làm ruộng hay là kẻ làm vườn đó. Đức Chúa Trời đã nhờ họ dùng lẽ-thật của đạo Tin-lành mà gieo-trồng, và lấy ân-điền Đức Thánh-Linh mà tưới cho lẽ-thật đó mọc lên kết-quả (Mat. 13 : 3-9, 18-23).

Kinh-thánh cũng hay dùng cái nhà để làm hình-bóng về Hội-thánh nữa, sánh như một đền-thờ đương xây-cất; còn những giáo-sư của Hội-thánh lại là thợ đương xây-cất vậy. Trong Eph. 2 : 20-22 Phao-lô nói : «Anh em đã được

dựng lên trên nền của các sứ-đồ cùng các đấng tiên-tri, chính Đức Chúa Jê-sus-Christ là đá góc nhà, cả cái nhà đã dựng lên trên đá đó, sắp-đặt cách hẳn-hoi, để làm nên một đền-thờ thánh trong Chúa. Ấy, anh em cũng nhờ Ngài mà được dự phần vào đó, dựng trở nên nhà ở của Đức Chúa Trời trong Thánh-Linh.» (Cũng hãy xem I Phi. 2:5).

Hoặc làm ruộng của Đức Chúa Trời hay là thợ xây đền-thờ của Ngài đi nữa, các kẻ làm công đều phải hiệp chung một ý một lòng mà làm mới có hi-vọng thành-công được. Giả như làm ruộng thì phải có kẻ cày, người cấy, kẻ tưới, người gặt. Các phần ấy đều là một nghề một việc trong cuộc làm ruộng. Mọi người làm công đều phải lo giữ phận mình cho trung-tín đối cùng chủ, cũng phải hiệp ý cùng những điền-phu khác mà làm, thì chủ mới có hi-vọng được mùa-màng tốt. Hội-thánh là ruộng của Đức Chúa Trời cày, song các tôi-tớ Ngài cùng Ngài làm việc cày ruộng ấy. Kẻ này đi chỗ mới nhờ Chúa mà cày, dọn đường cho đạo Tin-lành trong lòng người ta; người kia cũng đến đó dùng lời Chúa trông lẽ-thật trong họ, kể có kẻ khác cũng nhờ ơn Chúa, lấy lời Ngài mà tưới hột giống ấy, rồi sau rốt có người đến gặt-hái nơi những kẻ kia đã gieo-trồng mà thâu hoa-lợi. Thế thì, mọi người đều có phần việc khác nhau, cũng đều làm ruộng của Đức Chúa Trời, cả thầy bằng nhau và sẽ lãnh phần thưởng tùy theo việc mình đã làm. Song có một

đều rất quan-hệ là nếu muốn cho việc mình được may-mắn hầu cho Chúa mình có hi-vọng được mùa-màng đầy-đủ, thì phải có sự hiệp chung với nhau, ai nấy đều phải làm theo ý-chỉ của Chúa trong mọi sự mới đặng may-mắn.

Về sự xây nhà cũng vậy. Các thợ phải lo đồng-tâm hiệp-ý với nhau, cần-thận làm theo bản-đồ của nhà kiến-trúc đã giao cho, thì sự xây-cất mới được nên y theo ý-định của chủ nhà. Về việc gây-dựng Hội-thánh là đền-thờ của Đức Chúa Trời cũng phải có như thế. Phải đồng-tâm hiệp-ý lẫn nhau, cần-thận noi theo bản-đồ của Đấng Kiến-trúc thánh đã ban cho chúng ta trong Kinh-thánh mà làm. Phải coi chừng về sự tranh-cạnh, đừng có ai theo ý riêng làm cách này cách khác, tỏ cái thái-độ phản-đối nhau, người nào theo ý nấy. Vì làm như thế quả sẽ phá-hủy Hội-thánh, khiến cho công-việc mình làm ra luống-công, và đền-thờ của Đức Chúa Trời không được gây-dựng cho xong.

Thế thì, nếu những giáo-sư của Hội-thánh đều là bình-đẳng trong chức-phận, lại là bạn cùng làm việc với Đức Chúa Trời dựng cây-cây ruộng và xây-cất nhà của Ngài, tại làm sao còn có kẻ xưng họ là đầu-trưởng đảng nầy, lãnh-tự phe kia, khen-ngợi yêu-chuộng người nầy quá lẽ mà khinh-khi chối-bỏ kẻ kia, gieo sự rối-loạn trong vòng người làm công của Đức Chúa Trời và phá-hủy chức-vụ của họ? Làm như thế quả là sai-lầm lớn lắm!

(Còn tiếp)

ĐỐ NGƯỜI YÊU-QUÍ KINH-THÁNH

1. Trong Kinh-thánh, đoạn nào dài nhất?

2. Sông nào dài nhất trong xứ Pha-lê-tin?

3. Ai đưa các sứ-đồ đến nơi ăn lễ Vượt-qua?

4. Ba tên khác của biển Ga-li-lê là gì?

5. Ai thấy sự dị-tượng có tiếng của nước con sông lẫn-lẫn càng sâu?

6. Con trai trong buổi đang-thì được trước-giả Thi-thiên sánh với cái chi?

7. Vua nào bị giấu tại đền-thờ đến khi lên sáu tuổi?

8. Ai là mẹ của Môi-se?

9. Trong Kinh-thánh cây nào được đặt tên theo loài thực-vật trước nhất?

10. Ở những đâu có chép đến con rắn bằng đồng?



(Tiếp theo)

CHƯƠNG THỨ NĂM

TỔNG-Ý

Tội-nhơn tỉnh-thức, lòng đầy đau-buồn, biết không thể nhờ việc lành mà tự cứu được, bèn hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời, ăn-năn tội, tự đoán-xét và lên án mình, xin Ngài tha-thứ đoái-thương. Thấy vậy, ai chẳng mũi lòng, rơi lụy? Đức Chúa Jê-sus-Christ khóc-lóc đau-dớn vì linh-hồn đi lạc, nay thấy tội-nhơn ăn-năn, bèn giơ tay nhơn-từ mà bông-ấm, an-ủi. Tình-cảnh ấy đáng cảm-động thay! Được Ngài tha-thứ và biệt-đãi, tội-nhơn đờn-ca xướng-hát, nức lòng ngợi-khen, vui-mừng biết dường nào!

THOÁT ÁCH MA-QUI, VỀ VỚI THÁI-TỬ

Từ nay, Thành-lũy Linh-hồn được buông-tha khỏi ách tội-mọi góm-ghe của MA-QUI và trở về cùng Vua mình. Còn Ngài, làm xong việc rồi, bèn lui ra ngự-lâu (lâu vua ngự) ở ngoài tường Thành-lũy, và để hai Nguyên-soái BÔ-A-NỆT và TIN-CHẮC ở lại tại nhà ông LƯƠNG-TÂM. Hai Nguyên-soái có vẻ oai-nghi, mặt đầy vinh-hiến và quả-quyết, lời nói như nước lụt âm-âm. Nghe họ nói và thấy họ làm, cư-dân đầy lòng sợ-hãi kinh-khiếp. Thành-lũy Linh-hồn buồn-rầu bối-rối, vì hối-hận buổi trước và không biết chắc về ngày mai. Hồi lâu, Thành-lũy không sao bình-tĩnh an-nghỉ, cũng không thể cảm-biết một chút yên-ôn trông-cậy nào hết.

HỒN NGƯỜI BUỒN VÌ CẢM-BIỆT TỘI MÌNH

Một bữa, BÔ-A-NỆT được Thái-tử EM-MA-NU-ÊN truyền lệnh nhóm-hợp cư-dân trong sân hoàng-thành, và tại đó, bắt bớ tù THÔNG-SÁNG Đại-vương, LƯƠNG-TÂM Đại-vương, Ý-MUỐN Đại-vương trước mặt họ, lại sai chính họ canh-giữ nữa. Mạng-lệnh đó lập-tức

thi-hành, làm cho cư-dân thêm hãi-hùng đau-dớn. Việc ấy dường làm cho lòng họ càng thêm sợ-rằng Thành-lũy Linh-hồn chắc bị hủy-diệt trọn-vẹn. Họ sẽ bị xử-tử cách nào? Họ phải chịu đau-dớn bao lâu? Họ chỉ đề ý suy-nghĩ như thế. Vì biết rõ mình đáng chịu hình-phạt, nên họ sợ bị quăng vào vực sâu hơn hết. Kẻ chiếm quyền, là MA-QUI, cũng khiếp nơi ấy. Vả, họ thấy mình đáng phải giữ vững trong vòng cực-khổ, phải chết dưới gươm của một vị đế-vương nhơn-hậu tốt bực như EM-MA-NU-ÊN, há chẳng khó-khăn? Thành-lũy Linh-hồn cũng bối-rối vì THÔNG-SÁNG Đại-vương, LƯƠNG-TÂM Đại-vương và Ý-MUỐN Đại-vương phải tù. Ba ông vẫn cai-trị Thành-lũy, nên xử-tử ba ông tức là làm cho Thành-lũy mất kẻ đứng đầu. Lòng dân-chúng cứ suy đi nghĩ lại như vậy hoài.

NÀI-XIN THƯƠNG-XÓT

Mỗi ngày họ dường càng khó chịu nỗi nỗi mình phân-vân và nỗi THÁI-TỬ làm thình; rốt cuộc, họ được mấy người tù (chỉ về ba ông trên đây) giúp-đỡ, bèn nhứt-định dâng một tờ biểu

cho EM-MA-NU-ÊN, và chọn ông «MUỐN-SỐNG» đem đi. Trong tờ biểu đó Thành-lũy Linh-hồn ca-tụng THÁI-TỬ đặc-thắng, đoạn nhắc đến lòng thương-xót của Vua và hạ mình xin Ngài tha-thứ. Cư-dân lại thêm mấy lời: «Nguyên chúng tôi được sống trước mặt Ngài, sẽ làm tội-tớ Ngài...A-men.»

THÁI-TỬ LÀM THINH

Nhận lá biểu nơi tay sứ-giả, THÁI-TỬ đọc xong, bèn cho hẳn về và chẳng nói nửa lời.

Làm chi đây? Chỉ còn kêu-cầu THÁI-TỬ, hay là chịu chết mà thôi. Vậy, Hồn-người cứ nài-nỉ Ngài, và lần này, xin Nguyên-soái TIN-CHẮC làm sứ-giả. Ông đáp rằng mình không muốn và không dám làm trung-bảo cho phường phản-bội, hoặc làm thầy kiện bào-chữa cho bọn khởi-nghịch. Ông lại nói thêm: «Nhưng THÁI-TỬ chúng ta có lòng thương-xót. Vậy, hãy sai một người trong các người làm sứ-giả, song người đó phải đeo thừng (dây) nơi cổ mà đến, cho phải lễ. Ngoài lòng THÁI-TỬ cảm-thương, người đó chẳng nên kêu-xin ơn nào khác.» Thành-lũy trì-hoãn khá lâu, rồi mới sai đi kiếm một bác nghèo-khó, tên là LÒNG-TỈNH-THỨC. Họ cho bác biết rằng họ nhờ-cậy bác làm việc gì. Bác bước chơn đi và được đồng-bào chúc cho mọi phước. Tôi xin đề độc-giả suy-nghĩ đến cư-dân nóng-nảy chờ bác trở về là dường nào!

Khi người ta dẫn bác đến trước mặt EM-MA-NU-ÊN, thì bác té xuống nơi chơn Ngài mà kêu-van rằng: «Ôi! Nguyên Thành-lũy Linh-hồn sống trước mặt Ngài!» THÁI-TỬ xây mặt qua đằng sau, lòng vàng cảm-động, thồn-thức khóc-than. Đoạn, Ngài phán cùng sứ-giả: «Hãy đứng dậy về nhà; ta sẽ xét đơn người.» Bác LÒNG-TỈNH-THỨC mới về tới thành, thì người ta ở mọi chỗ chạy đến hỏi: «THÁI-TỬ nhận biểu thế nào? Ngài phán-dạy ra sao? Ủa! Vẫn không có gì à? Không đâu vào đâu cả ư?» Sứ-giả xét rằng nên

trình-bày công-việc cho các quan cai-trị biết trước thì phải lễ, bèn tới hoàng-thành thuật kỹ cuộc hội-kiến cho mấy người tù nghe. Bác cũng nói về vinh-hiền và tốt-đẹp của THÁI-TỬ, là Đấng chẳng ai thấy mà lại không kính-mến tức-thì.

Trong Thành-lũy, mỗi người bàn-luận thái-độ THÁI-TỬ một khác. Kẻ này nói: «Thái-độ Ngài là dấu-hiệu khoan-dung đấy!» Người khác quả-quyết rằng: «Không! Không! Thái-độ Ngài là dấu-hiệu nghiêm-khắc chớ! Ta phải sửa-soạn chịu chết, vãn vãn...» Lưỡng-lự và nghi-ngờ thế chỗ kinh-khiếp, Thành-lũy bối-rối quá đỗi. Thà chết còn hơn thấy nổi phàn-vân sợ-hãi hòng đổ trên mình. Đương cơn khốn-cực, họ quyết dâng một tờ biểu thứ ba cho THÁI-TỬ.

THÀNH-LŨY HẠ MÌNH VÀ HỒI-HẬN

Trong tờ biểu này, trước hết, họ khen-ngợi quyền-phép và lòng lành của THÁI-TỬ; đoạn, họ xưng tội: «Chúng tôi không đáng được kể là thần-dân Ngài, song đáng bị quăng vào vực sâu. Nếu Ngài nhứt-định giết chết, thì chúng tôi chắc sẽ tuyên-bố rằng Ngài lên án như thế là không tư-vị. Nếu Ngài hình-phạt chúng tôi, thì cũng rất công-bình. Nhưng, than ôi! Hỡi Chúa! Xin đề ân-diễn Ngài làm việc, xin cứu-vớt chúng tôi, xin tha tội chúng tôi, thì chúng tôi đời đời sẽ ngợi-khen lòng nhơn-hậu và sự đoán-xét thương-xót của Ngài. A-men.» Đoạn, họ hỏi nên cử ai làm sứ-giả. Nhiều người tiến-cử ông VIỆC-LÀNH, nhưng bị viên Chủ-bạ phản-đối kịch-liệt: «Ủa, cả tờ biểu của chúng ta nài-xin thương-xót, vậy mà lại sai VIỆC-LÀNH làm sứ-giả à? Nếu Thái-tử EM-MA-NU-ÊN hỏi tên hẳn mà hẳn xưng ra, thì Ngài sẽ đáp: Cha chả! VIỆC-LÀNH vẫn sống trong Thành-lũy Linh-hồn sao? Này, nguyện việc lành cứu các người khỏi vòng buồn-thảm đang đứng.» Họ theo lời ông LƯƠNG-TÂM và bỏ qua việc này.

Họ lại lựa-chọn bác LÒNG-TỈNH-THỨC, và theo lời bác xin, cử ông BUỒN-THẨM đi giúp-đỡ. Vì mình và vì đồng-bào, ông này nhỏ muôn ngàn giọt lụy ăn-năn, nên được đặt tên như thế. Hai người ra đi, cõ đeo thùng, tay trói lại.

Khi tới hành-doanh (trại vua ngự đang khi đi đánh giặc), họ xin tha lỗi vì lại đến khuấy-rối THÁI-TỬ, nhưng họ phải làm như thế bởi có tội, và hơn đó ngày đêm chẳng được yên-nghỉ chút nào. Họ dâng tờ biểu và qui

đội THÁI-TỬ

quyết-định.

Ngài đọc

biểu xong,

bèn hỏi họ

nhiều câu về

gia-tộc và

địa-vị họ.

Địa-vị và

gia-tộc họ

chắc cao-

quí lắm, nên

mới được

người chọn

làm khâm-

sai-chớ? Họ

đáp: «Tâu

THÁI-TỬ,

thật không

phải thế; trái lại, chúng



Ông Jean Bunyan bị xết-xử tại đây

thật không phải thế; trái lại, chúng tôi là người hạ-lưu và không hiểu tại sao đồng-bào lại lựa-chọn chúng tôi, nguyên địa-vị thấp-hèn của chúng tôi không làm mất lòng THÁI-TỬ. Ôi! Xin tha tội chúng tôi, xin chớ ngăn-cầm lòng thương-xót nữa, xin chớ để thời-kỳ Ân-diễn ở xa luôn với vinh-hiến mà thời-kỳ đó sẽ sanh ra cho Ngài nữa!»

THÁI-TỬ truyền cho họ đứng dậy. Họ liền vâng lời. Bấy giờ, Ngài bày-tỏ tội nặng của Thành-lũy Linh-hồn không chịu nhận Cha Ngài làm Vua, nhưng lại đem một tên bạo-chúa, một đứa nói dối, một thằng phản-loạn đến thay Cha Ngài. «Nó phải xiềng-xích và bị lên án quăng xuống vực sâu, bèn đến giúp-đỡ các người, thế mà các

người cũng tiếp-nhận nó! Khi chúng ta đến đuổi kẻ chiếm quyền, thì các người đã làm gì? Các người binh-vực nó, đóng cửa thành và chiến-đấu cùng chúng ta...Hiện nay ta đã thắng bạo-chúa, các người bèn đến nài-nỉ ta ban ơn! Sao trước không binh-vực ta? Sao trước không giúp-đỡ ta đuổi kẻ oai-quyền?

«Dẫu có mọi việc đó, nhưng ta sẽ đọc tờ biểu và sẽ trả lời cho xứng-hiệp với vinh-hiến ta.

«Các người khá lui về, và hơn danh ta xin các Nguyên-soái BÒ-A-NET, TIN-CHẮC ngày mai giải bọn tù về trại cho ta. Lại hãy hơn danh ta xin các Nguyên-soái ĐOÁN-XÉT, XỬ-TỬ ở trong hoàng-thành và

canh-giữ cho Thành được yên-ồn, cho tới khi ta ban mạng-lệnh khác.» THÁI-TỬ nói xong, bèn lui vào ngự-lâu.

Các sứ-giả đến ngay khám tù để trình-bày công-việc cho các quan cai-trị và rao-truyền một phần sứ-mạng: «THÁI-TỬ phán rằng Ngài sẽ trả lời cho xứng với vinh-hiến Ngài.» Một cụ già, tên là TRA-XEM, hỏi: «Có thể thôi à?» Họ thú thật rằng: «Chưa hết đâu.» Đoạn, họ thuật hết mọi lời của THÁI-TỬ. Trong cơn đau-đớn, bọn tù đầy lòng khiếp-sợ, bèn kêu-la, tiếng kêu thấu đến tận trời. Rồi họ sửa-soạn chịu chết. Còn cư-dân Thành-lũy tự nói với mình rằng, vài ngày nữa, họ sẽ phải chết để chuộc tội mình; họ mặc áo tang và trèo lên đồn-ài.

BỌN TÙ CHỊU ĐOÁN-XÉT VÀ NHẬN TỘI

Bữa sau, bọn tù cổ đeo thừng, chơn mang xiềng, tay dấm ngực, mắt không dấm ngược lên, cùng nhau tới trại quân EM-MA-NU-ÈN. BÔ-A-NỆT và quân thị-vệ mở cờ đi trước. Khi tới trại THÁI-TỬ, thấy vinh-hiền và quyền-phép Ngài, bọn tù càng thêm buồn-thảm, không sao cầm được nước mắt và tiếng khóc-than. Tới cửa ngục-lâu của THÁI-TỬ, họ quì sát đất.

EM-MA-NU-ÈN được tin bọn tù đã tới, liền bước lên ngai, truyền cho họ đứng dậy, rồi hỏi :

—Có phải các người thuộc trong bọn hầu việc Vua SA-ĐẠI thuở trước không?

—Tâu Chúa, phải.

—Các người đã bằng lòng ở dưới quyền MA-QUI, là kẻ cố làm cho các người bại-hoại, ô-uế, có phải không?

—Tâu Chúa, phải. Chúng tôi lại còn lựa-chọn nó nữa.

—Các người có ưa-thích sống dưới ách nó cho đến cuối-cùng không?

—Tâu Chúa, có. Luật-pháp nó làm thỏa lòng tham-dục xác-thịt của chúng tôi, nên chúng tôi quên mất địa-vị cũ.

—Khi ta đến cứu, các người hết lòng ao-ước cho ta thua?

—Tâu Chúa, phải.

—Các người đáng chịu hình-phạt thế nào?

—Chúng tôi đáng chết và bị quăng vào vực sâu.

—Các người có nói gì về binh-vực mình không?

Tâu Chúa, tuyệt không! Ngài công-bình lắm! Còn chúng tôi đã phạm tội.

—Sao các người đeo thừng nơi cổ?

—Nếu Ngài chẳng đẹp lòng thương-xót, thì thừng này dùng thắt cổ chúng tôi nơi pháp-trường.

—Các người cũng thay mặt công-dân Thành-lũy Hồn-người mà xưng tội như thế đấy chớ?

—Tâu Chúa, phải! Chúng tôi thay mặt cả nhơn-dân, nhưng không làm đại-biểu đảng MA-QUI.

Bấy giờ, THÁI-TỬ truyền gọi một

quan Trung-lệnh-sứ (Sứ-giã đi rao-truyền mạng-lệnh của vua) đến, và sai vừa thổi kèn, vừa đi rao khắp trại rằng: THÁI-TỬ Vua SA-ĐẠI đã toàn-thắng Thành-lũy Linh-hồn. Bọn tù phải đi theo viên Trung-lệnh-sứ, và khi hẳn rao xong, thì phải nói: A-men. EM-MA-NU-ÈN bảo sao, có vậy. Bấy giờ âm-nhạc dịu-dàng vang-dậy thiên-cung, các Nguyên-soái reo-hò vui-vẻ, quân-lính hát khúc khải-ca (bài hát thắng trận), và bài ngợi-khen THÁI-TỬ. Trước gió, cờ bay phất-phới sột-sạt. Nổi hoan-hỉ tràn-lan khắp chốn, nhưng chưa ngự trong lòng bọn tù.

THÁI-TỬ THA-THỨ

Đoạn, EM-MA-NU-ÈN truyền đem họ tới và phán rằng: «Cha ta ban cho ta quyền và lệnh tha tội Thành-lũy Linh-hồn. Vậy, ta tha-thứ cho cả Thành. Đây, tờ khế có đóng bẩy ấn, giải-bày ơn tha-thứ. Ngày mai, khi mặt trời mọc, các người khá đọc cho đồng-bào nghe.

Đoạn, EM-MA-NU-ÈN cởi áo tang cho bọn tù nay được buông-tha, lấy vinh-hiền mà mặc cho họ; Ngài «ban dầu vui-mừng thay vì tang-chế, ban áo ngợi-khen thay vì lòng nặng-nề» (Ê-sai 61:3), ban đồ trang-sức bằng ngọc, dây chuyền bằng vàng luôn với bửu-thạch thay vì thừng thắt cổ.

Bọn tù biết mình được tha, thấy THÁI-TỬ tỏ-bày ơn-huệ, bèn vui-mừng đến nỗi gần ngất đi, vì ân-diễn ban thịnh-linh. Nếu cánh tay đời đời không ôm lấy ông Ý-MUỐN và làm cho ông vững-vàng, thêm sức, thì ông ắt đã té nhào. EM-MA-NU-ÈN hôn và giục lòng ông, luôn với hai ông kia. Ngài phán: «Nguyên các người được mọi việc này làm của cầm về các ân-huệ, tình yêu-mến và đức cảm-thương của ta; xin ông Chủ-bạ nhớ thuật cho Thành-lũy biết mọi điều mình đã thấy và nghe.»

BỌN TÙ VUI-MỪNG MÀ VỀ

Bấy giờ, thấy xiềng-xích tan-nát và bay mất, được đi đứng tự-do, họ bèn cúi sát đất mà hôn chơn EM-MA-NU-ÈN và nức lòng hát bài thơ-thánh khen-

ngợi. THÁI-TỬ truyền cho họ đứng dậy, trở về Thành-lũy nói cho đồng-bào biết Ân-diễn mà mình đã được hưởng. EM-MA-NU-ÊN lại truyền cho một nhạc-công đi trước họ và phải đánh trống thổi sáo suốt dọc đường. Các công-việc mà họ không hề trông-mong đã được làm trọn như thế đấy. Họ được hưởng ơn mà ý mình tưởng không thể được.

Sau rồi EM-MA-NU-ÊN truyền gọi Nguyên-soái TIN-CẬY với vài viên tướng đến và phán: «Các người khá mở cò đi trước các đại-tướng đã được buông-tha cho tới Thành-lũy. Đoạn, khi viên Chủ-bạ nhóm cư-dân và đọc chiếu-chỉ tha tội cho chúng nghe rồi, thì Nguyên-soái TIN-CẬY khá đem một muôn binh do cửa MẮT vào, canh-giữ hoàng-thành. Các Nguyên-soái ĐOÀN-XÉT, XỬ-TỬ phải ra khỏi hoàng-thành mà về trại ta.

Từ nay, thời-kỳ hãi-hùng đã qua, Thành-lũy Linh-hồn không còn ở dưới cơn kinh-khiếp mà bọn Nguyên-soái đạo binh trước đã đổ trên mình nữa.

RAO TIN LÀNH

Nếu có thể, xin độc-giả hãy tưởng-tượng nỗi lạ-lùng của cư-dân Thành-lũy Linh-hồn! Ừ kia, bọn tù được về vang dường ấy và trở về cách long-trọng dường ấy kia à? Khi xuống trại quân, họ bận quần áo tang; nay trở về, lại mặc toàn đồ trắng! Lúc đi, thì đeo thùng nơi cổ; lúc về, lại đeo dây chuyền bằng vàng! Lúc đi, chơn bị xiềng-xích, nhưng nay được tự-do! Họ đi tới nơi chết, thế mà lúc trở về lại biết chắc mình được sống! Khi đi, thì lòng buồn-thảm; lúc về, lòng đầy vui-mừng và chơn bước theo tiếng âm-nhạc rập-ràng vui-vẻ! Khi họ về tới cửa MẮT, thì đồng-bào cất tiếng reo-mừng. Tiếng đó dội lại, làm cho các Nguyên-soái và đạo binh THÁI-TỬ giựt mình. Kể mà họ tưởng chết rồi, nay đã sống lại, ăn-bận hoa-mỹ mà trở về. Họ không còn nói đến búa-riệu hoặc miếng gỗ kê đầu để chém nữa. Họ thật vui-mừng hơn-hở.

Cư-dân la lên rằng: «Chúng tôi thỏa-

mãn vì thấy các ông trở về! Ngợi-khen Đấng tha chết cho các ông! Các ông gặp mọi sự tốt-lành cả đấy! Nhưng số-phận Thành-lũy thế nào?» Ông LƯƠNG-TÂM và ông THÔNG-SÁNG đáp: «Chúng tôi đem cho Thành-lũy những tin rất tốt-lành.» Đoạn, họ thuật kỹ mọi việc mà mình thành-linh đã gặp nơi trại quân. Còn sứ-mạng được ban cho Thành-lũy thì họ tóm lại một tiếng: **Tha-thứ!** Ngày mai, họ sẽ đọc sứ-mạng THÁI-TỬ trên khu đất dùng làm Chợ. Nhưng ai nấy vui-vẻ mừng-rỡ đến nỗi đêm hôm đó không ngủ được. Nhà nào cũng đờn-ca xướng-hát, mọi người đều sung-sướng quá chừng, và chúc-tụng tình yêu-thương lớn-lao mà mình được hưởng.

Kể tự đoán-xét và tự lên án cho mình khi đi đến trước mặt Quan tòa, dầu có tội, nhưng nhờ danh đức khoan-dung của THÁI-TỬ, cũng được tuyên-bố là vô-tội.— Các vị đế-vương đều có lệ ân-xá kẻ phản-bội chăng?— Không! Chỉ Vua SA-ĐAI và Thái-tử EM-MA-NU-ÊN có lệ đó mà thôi...»

Bữa sau, khi ông Chủ-bạ LƯƠNG-TÂM bắt đầu đọc một tờ quyết-nghị ân-xá, tức là tờ chiếu-chỉ **Tha-thứ**, trên khu đất dùng làm Chợ, thì Thành-lũy yên-lặng như tờ. Nhưng khi ông đọc tới câu: «Giê-hô-va! Giê-hô-va! là Đức Chúa Trời nhờ-từ thương-xót...xá đều gian-ác, tội trọng và tội-lỗi...» (Xuất 34: 6, 7), thì người nghe không sao nhịn nhảy-nhót mừng-rỡ được. Nỗi vui chan-chứa khắp nơi, chuông đánh vang-lừng, dân-chúng đến tận đồn-ải, quì trên tường-lũy mà nhìn về phía trại EM-MA-NU-ÊN. Đạo quân THÁI-TỬ cũng reo-mừng, kéo cò và thổi mấy bài kèn vui-vẻ vang-dậy không-trung. Trong hoàng-thành, Nguyên-soái TIN-CẬY đứng trên tháp cao hơn hết để cho mọi người thấy, lại thổi kèn chào Thành-lũy và trại quân THÁI-TỬ.

Ấy đó, EM-MA-NU-ÊN chiếm Thành-lũy Linh-hồn, cướp Thành khỏi quyền cai-trị và thế-lực MA-QUI, là bạo-chúa. (Còn tiếp)



7 AOUT, 1932

BÀ E. F. IRWIN

ĐỨC CHÚA JÊSUS SỐNG LẠI

(Giăng 20 : 1-31. Đọc Giăng 20 : 11-23)

CÂU GỐC :— Nhưng bây giờ Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, Ngài là trái đầu mùa của những kẻ ngủ

(I Cô-rinh-tô 15 : 20)

LỜI MỞ ĐĂNG

BÀI thứ nhứt mà chúng ta học trong sách Giăng đã nói về Đức Chúa Trời trở thành nhục-thể để cứu người đời. Bài chót trong sách ấy là bài học hôm nay lại nói về sự sống lại của Đức Chúa Jê-sus, sau khi Ngài bị đóng đinh trên cây thập-tự và chôn trong mồ mả. Hai điều ấy rất hiệp với nhau, vì chuyện trong bài học sau này làm trọn chuyện của bài trước. Đạo của Đức Chúa Trời lập lên trên hai điều ấy. Đức Chúa Trời đã chịu mặc lấy hình người và chết thế người tội; song sự chết không cai-trị Ngài được, và Ngài có quyền sống lại. Chúa là Đấng hằng sống, ai tin Ngài thì cũng sẽ được sống lại.

Tuần-lễ trước, ta học về sự Đức Chúa Jê-sus chết trên cây thập-tự, hôm nay ta được suy-nghĩ đến sự sống lại của Ngài. Chuyện trong bài học trước là bi-ai buồn-bã, song chuyện trong bài này thì toàn-thắng vui-mừng. Lòng loài người đáng phải đùng buồn-bã nữa, vì Chúa của sự sống đã sống lại rồi. Ngài cũng sẽ làm cho kẻ nào tin Ngài thì trong đời này được tha tội, được bình-yên, đời sau được sống lại mà ở với Ngài đời đời.

I.— Chúa hiện ra cùng bà Ma-ri

Bà Ma-ri Ma-đo-len đã đến thăm mộ Chúa từ mờ-mờ sáng ngày thứ nhứt của tuần-lễ, là ngày Ngài sống lại. Bà thấy hòn đá lấp cửa mộ đã dời đi, bà bèn chạy tìm Thánh Phi-e-rô và Giăng. Hai ông liền chạy đến mộ, thấy cái khăn liệm còn trong đó, và sự sắp-dặt của nó tỏ ra Đức Chúa Jê-sus đã lia khỏi khăn liệm ấy là bởi quyền-phép Đức Chúa Trời. Thánh Giăng thấy như thế, liền tin rằng Chúa đã

sống lại từ kẻ chết. Hai ông trở về, còn Ma-ri Ma-đo-len thì cứ ở lại. Lúc ấy, bà lại thấy hai thiên-sứ ngồi tại mồ-mả và nói chuyện với mình. Đến khi bà sắp trở gót ra về, thì lại gặp Đấng Christ. Bà tưởng người nói chuyện với bà đó là kẻ làm vườn; nhưng đến khi Chúa nói đến tên bà một cách dịu-dàng, thì bà liền nhận-biết đó là Chúa vậy. Khi nghe tiếng Chúa, bà rất đổi vui-mừng mà kêu lớn tiếng lên rằng: «Ra-bu-ni,» nghĩa là Thầy tôi. Sự này dạy-đỗ cho ta biết rằng Chúa rất muốn hiện đến với những người thật lòng yêu-mến và tìm-kiếm Ngài. Ngày đó, bà đến nơi mồ-mả hai lần, cứ ở lại kêu-cầu và than-khóc, vì bà nhớ và khát-khao về Chúa lắm. Liền lúc đó Ngài hiện đến với bà. Hôm nay cũng vậy, ai ao-ước tìm-kiếm Chúa, chắc nấy sẽ được gặp Ngài.

II. — Chúa Jê-sus hiện đến với sứ-đồ

«Buổi chiều nội ngày đó, là ngày thứ nhứt trong tuần-lễ, những cửa nơi nhà các môn-đồ ở đều đóng lại, vì họ sợ dân Giu-đa. Đức Chúa Jê-sus đến đứng chính giữa các môn-đồ.» Ta có thể tưởng rằng lúc bấy giờ chắc các môn-đồ đương suy-nghĩ về Ngài, và hỏi nhau về sự sống lại của Ngài. Chắc lúc này sứ-đồ nào cũng có lòng ước-ao được gặp Ngài cũng như bà Ma-ri vậy. Lúc Ngài hiện đến đó, thì Thánh Tho-ma vắng mặt. Ta không biết ông đi đâu, nếu ông được nhóm lại lúc đó, chắc ông không hồ-nghi đến cả tuần.

Sự hiện đến với các môn-đồ lúc đó tỏ ra khi Chúa sống lại có xác hình thiệt. Ngài có thể chỉ tỏ cho mọi người những lỗ đinh đóng trong tay và chơn Ngài.

Nhưng Ngài vào được phòng các sứ-dồ đương khi cửa đóng, thì ta lại biết xác mà Ngài có lúc đó rất là thiêng-liêng và quyền-phép. Vậy khi nào được gặp Ngài, ta cũng sẽ được xác giống như Ngài vậy.

Chúa Jêsus đã phán cùng môn-dồ đến hai lần: bình-yên cho các người. Ấy cũng chỉ về sự bình-yên mà tin-dồ được hôm nay. Khi người mới được cứu, thì lòng đầy bình-yên, vì biết bao nhiêu tội-lỗi của mình đều được tha-thứ và có sự hòa-thuận lại với Đức Chúa Trời (Rô 5: 1). Trong Phi-líp 4: 7 đã nói về sự bình-yên của Đức Chúa Trời vượt quá mọi sự hiểu-biết.» Ấy chỉ về lúc người tin-dồ nào bằng lòng dâng trọn mình cho Đức Thánh-Linh và vâng-theo ý Ngài, thì sự bình-yên Ngài sẽ cai-trị lòng người đó. Một người biết nhờ-cậy Đức Chúa Trời, dầu gặp những điều ngờ là khó-khan quá sức mình, cũng không thối chí, ngã lòng, vì được bình-yên trong Chúa. Ai có lòng như thế, mới có phước mà ban lại cho nhiều người khác nữa. Chúa lại phán cùng những người ấy rằng: «Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các người thế ấy.»

III.— Đức Chúa Jêsus lại hiện đến với mười một sứ-dồ

«Cách tám ngày, các môn-dồ lại nhóm nhau trong nhà, lúc đó có Thánh Tô-ma tại đó. Đương khi cửa đóng, Đức Chúa Jêsus đến, đứng chính giữa các môn-dồ. Đoạn Ngài phán cùng Thánh Tô-ma rằng: Hãy đặt ngón tay người vào đây, và xem bàn tay ta, cũng hãy giơ bàn tay người ra và đặt vào sườn ta, chớ cứng lòng, song hãy tin. Thánh Tô-ma thưa rằng: Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi.»

Trong các lời ấy có sự dạy-dỗ rằng: Nếu người nào thiệt lòng muốn tin Ngài, nhưng tánh còn hồ-nghi chút đỉnh chi đó, thì Ngài sẽ tỏ mình ra cho người ấy. Nhiều người có tánh hồ-nghi, nhưng không có lòng thiệt. Họ không muốn tin đến Chúa, vì không muốn phục-tùng Ngài. Nếu Đấng Christ sống lại, mà thiệt Ngài đã sống lại rồi, thì người ta hết thấy phải yêu-thương nhau và vâng-phục mọi lời Ngài phán-dạy.

Đấng Christ đã phán: «Phước cho những kẻ chẳng từng thấy mà tin vậy.» Ý nói mặc dầu không thấy Ngài, song cứ tin lời Ngài, thì có phước lắm.

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU

Giăng 20: 11.— Song Ma-ri. Thánh Phi-e-ơ và Giăng đã trở về, song bà Ma-ri còn ở lại; bà không đi khỏi chỗ đó được, vì bà có lòng yêu-mến Chúa lắm.

Câu 12.— Hai vị thiên-sứ. Chức-vụ của thiên-sứ là giúp việc cho những người sẽ được hưởng cơ-nghiệp cứu-rỗi (Hê 1: 14). Có phải hai vị thiên-sứ ấy giữ mộ và khăn liệm để làm bằng-cớ rằng Đức Chúa Jêsus đã sống lại rồi không? (Xem Ma 28: 2-8; Mác 16: 5-8; Lu 24: 1-8).

Câu 14.— Nhưng chẳng biết ấy là Chúa Jêsus. Ấy vì có hai điều: Một là vì bà đương chảy nước mắt. Hai là vì xác Chúa khác hơn, khi Ngài đã sống lại.

Câu 16.— Ma-ri. «Người chôn kêu tên chiên mình,» «chiên nghe tiếng người chôn» (Giăng 10: 3).

Câu 19.— Buổi chiều nội ngày đó là ngày thứ nhứt trong tuần-lễ. Ngài đã hiện đến với các môn-dồ sau khi Ngài gặp hai môn-dồ từ thành Giê-ru-sa-lem trở về làng Ê-ma-út.

Câu 20.— Ngài giơ tay và sườn mình cho hai môn-dồ xem. Cũng như Thánh Tô-ma, các môn-dồ tin vì đã được thấy.

LỜI HỎI:

1.— Chuyện thứ nhứt và chuyện chót trong sách Giăng chép về gì?

2.— Vì có nào hai điều ấy hiệp với nhau?

3.— Nếu Đức Chúa Jêsus không phải là Đức Chúa Trời, Ngài có thể làm Đấng cứu-chuộc tội-lỗi cho loài người không?

4.— Đức Chúa Jêsus hiện đến với ai trước?

5.— Vì có nào bà Ma-ri lại được gặp Chúa trước mấy người môn-dồ khác? Điều ấy có dạy-dỗ gì cho tin-dồ không?

6.— Khi Chúa Jêsus sống lại rồi, xác Ngài có khác hơn trước thế nào?

7.— Đức Chúa Jêsus đã phán hai lần với môn-dồ: «Bình-yên cho các người.» Hai lần Ngài phán đó chỉ về gì trong đời của tin-dồ hôm nay?

8.— Vì Tô-ma không nhóm lại với các môn-dồ khi Chúa hiện đến lần thứ nhứt, nên ông có sự gì trong cả tuần-lễ?

9.— Vì có gì có nhiều người không muốn tin theo Đức Chúa Jêsus?

10.— Chúa Jêsus có phán-dạy gì về sự người ta tin lời Ngài, mặc dầu không thấy Ngài?

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ Đấng TẠO-HÓA

(Sáng-thế Ký 1:1-5, 2:26-31)

CÂU GỐC:—Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất

(Sáng-thế Ký 1:1)

LỜI MỞ ĐỀ

TIẾNG thứ nhất trong Kinh-thánh, theo chữ Hê-bơ-rơ, là «beresith,» nghĩa là «ban đầu.» Sáng-thế Ký là một quyển sách chép về những sự ban đầu. Sách ấy chép về sự ban đầu của trời đất, của súc-vật, của côn-trùng và loài người, lại cũng chép về sự ban đầu của tội-lỗi nữa.

Có một người nói: Thật lắm vậy, trong sách Cựu-ước, ta thấy được sách Tân-ước, và trong sách Tân-ước tỏ ra những điều ở sách Cựu-ước. Người ta đáng học đủ cả hai sách ấy để được hiểu rõ. Sáng-thế Ký có chép những điều rất quan-hệ về lẽ thật trong sách Tân-ước.

I.—Ban đầu Đức Chúa Trời

Đó là lời thứ nhất trong bộ Kinh-thánh. Ý-nghĩa lời ấy tỏ rằng trước hết có Đức Chúa Trời. «Ban đầu Đức Chúa Trời.» Người ta không cần phải tìm lý-cớ nào khác để bày-tỏ việc ấy, vì đó là lẽ thật rồi. Chỉ có «kẻ ngu-dại nói trong lòng mình rằng không có Đức Chúa Trời.» Họ nói như thế, vì không muốn còn có ai trên mình nữa; vả lại họ không muốn có ai đoán-xét những tội-lỗi mình.

Năm chữ thứ nhất trong bộ Kinh-thánh đó đáng làm kiêu-mẫu cho tin-dò trong mọi việc hằng ngày. Nghĩa là mình không nên làm việc gì mà kể rằng không có Đức Chúa Trời trong việc ấy.

II.—Đức Chúa Trời dựng nên

Trong đoạn một có ba điều mà Đức Chúa Trời đã dựng nên: một là trời, đất; hai là các thú-vật; và ba là loài người. Ba điều ấy không ai có thể chối-cãi được.

III.—Sự hư-hoại

Ở giữa câu thứ nhất và câu thứ hai trong Sáng-thế Ký, có sự hư-hoại xảy ra trong thế-gian này. Vì-sao mà biết? Câu thứ hai nói rằng: «Đất là vô-hình và trống-không.» Khi Đức Chúa Trời dựng nên, thì không có như vậy. Sách Ê-sai 45:18 chép về sự dựng nên trời đất như sau này: «Vi Đức Chúa Trời là Đấng đã

dựng nên các tầng trời, tức là Đức Chúa Trời đã tạo-thành đất và làm ra nó, đã lập nó cho bền-vững, chẳng phải dựng nên là trống-không, bèn đã làm để dân ở.» Vả, trong sách Giê-rê-mi 4:23, 26 chép rằng: «Tôi xem đất: này, là vô-hình và trống-không; xem các tầng trời: thì không có sự sáng. Tôi xem thấy ruộng tốt đã trở nên đồng vắng, hết thấy các thành đều bị hủy-phá trước mặt Đức Giê-hô-va, bởi cơn nóng-giận của Ngài.» Theo lời ấy, ta dám đoán chắc rằng ban đầu Đức Chúa Trời đã dựng nên trời đất là tốt-đẹp và trọn- vẹn lắm. Song, bởi tội-lỗi đến (có lẽ là tội-lỗi của các thiên-sứ làm ra), Đức Chúa Trời phải hình-phạt cả thế-gian này. Nên thế-gian lúc đó phải chịu sự hư-hoại vậy. Người ta hiểu được như thế, là vì câu hai đã chép về đất là vô-hình và trống-không. Sau sự hư-hoại ấy, Đức Chúa Trời bèn làm lại thế-gian này, tạo-thành các loài súc-vật, côn-trùng và loài người.

IV.—Sự Chúa lập lại thế-gian

Xem những lời chép về thế-gian lúc ấy, làm cho ta tưởng-tượng rằng có hỏa-khí và hơi nước mịt-mù xung-quanh nó. Các hơi mịt-mù ấy làm cho sự sáng soi qua không được. «Sự mờ-tối ở trên mặt vực.» Khi Đức Chúa Trời phán: «Phải có sự sáng, thì có sự sáng.» Theo lời phán của Chúa, thì sự sáng đã soi qua sự mù-mịt ấy. Đức Chúa Trời phân sự sáng với sự tối, bèn có ngày và đêm. Sau đó, Đức Chúa Trời lại phán nữa: «Phải có các vì sáng trong khoảng-không trên trời.» Khi Ngài mới dựng nên hết thấy, chắc có các vì sáng ấy. Song bấy giờ Chúa phán biểu nó: «phân ra ngày và đêm và dùng làm dấu để chỉ định thi-tiết, ngày và năm.» Lúc ấy, chắc những hơi nước mịt-mù đã hết rồi, có mặt trời mặt trăng và các ngôi sao. Những vật đó hiện còn có đến ngày nay.

«Đất sanh cây cỏ, cỏ kết hạt tùy theo loại, cây kết quả có hạt trong mình, tùy theo loại.» Đó chỉ tỏ-tượng rằng các hạt

của những cây đã có trong thế-gian, khi Đức Chúa Trời mới dựng nên nó, đều còn trong đất cả. Đến khi Chúa phán: «Đất phải sanh cây cỏ, cỏ kết hạt giống, cây trái kết quả, theo loại mà có hạt giống trong mình trên đất,» thì có như vậy; Ngài không cần dựng lại các giống ấy.

V.—Các loài súc-vật

Trong sự hư-hoại của thế-gian, các súc-vật đều chết hết, nên Đức Chúa Trời phải tạo-thành lại như câu 21 đã chép: «Đức Chúa Trời dựng nên các loài cá lớn; các vật sống hay động nhờ nước mà sanh nhiều ra tùy theo loại, và các loài chim hay bay tùy theo loại» (Sáng 1: 21).

VI.—Loài người

Đức Chúa Trời phán rằng: «Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta, đặng quản-trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc-vật, loài côn-trùng bò trên mặt đất, và khắp cả đất. Đức Chúa Trời dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ.» Có kẻ nói rằng loài người đã theo sự biến-hóa từ loài vật rất nhỏ mà thành ra. Song Đức Chúa Trời phán: «Chúng ta hãy làm nên loài người,» chớ Ngài không phán loài người phải biến-hóa từ loài vật nhỏ.

Đức Chúa Trời dựng nên người nam cùng người nữ. Ý Ngài là phải có người nam và người nữ, song bấy giờ chưa chép về người nữ; tới đoạn thứ hai trong Sáng-thể Ký mới chép đến. Khi muốn làm nên người nữ, thì Ngài không làm như Ngài đã làm nên người nam, song Ngài dùng một cái xương sườn của người nam mà làm thành người nữ. Khi người nam, tên là A-đam, thấy người nữ, tên là Ê-va, thì nói rằng: «Người này là xương bởi xương tôi, và thịt bởi thịt tôi mà ra. Người này sẽ gọi là người nữ, vì nó do nơi người nam mà có.» Ông A-đam nhìn biết bà Ê-va thiệt thuộc về mình. Bà Ê-va làm hình-bóng về Hội-thánh. Hội-thánh phải nhờ Đấng Christ mới có sự sống. Đức Chúa Jê-sus đã chịu chết trên cây thập-tự để ban sự sống cho tin-đồ. Bà Ê-va đã nhờ sự sống của ông A-đam, thì cũng một thể ấy, các tin-đồ phải nhờ sự sống của Đấng Christ. Nếu người nào không được sanh lại nên người mới, thì

không có sự sống của Ngài, và thật là không phải tin-đồ của Ngài vậy.

VII.—Giao-ước thứ nhứt

Bài học này nói về giao-ước thứ nhứt của Đức Chúa Trời với loài người. Trong giao-ước ấy có bảy điều sau này mà ông bà A-đam có trách-nhiệm phải vâng-giữ:

1.—«Hãy sanh-sản, thêm nhiều, làm cho đầy-dẫy đất» (Sáng 1: 28).

2.—«Hãy làm cho đất phục-tùng» (Sáng 1: 28).

3.—«Hãy quản-trị các súc-vật» (Sáng 1: 29).

4.—«Hãy ăn trái và rau» (Sáng 1: 29).

5.—«Hãy trồng và giữ vườn» (Sáng 2: 15).

6.—«Không được ăn trái của cây biết điều ác và điều thiện» (Sáng 2: 16-17).

7.—«Sự hình-phạt và sự chết» (Sáng 2: 17).

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU

Sáng 1:2.—**Thần Đức Chúa Trời.** Bởi Đức Thánh-Linh là Ngôi thứ ba của Đức Chúa Trời, trời đất được có sự sống. Đó chỉ về Ngài làm cho người ta được sanh lại trở nên con-cái Đức Chúa Trời. Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh-Linh hiệp nhau trong sự dựng nên trời đất cũng như hiệp một trong sự chuộc tội vậy.

Vận-hành trên mặt nước. Chữ vận-hành đó chỉ về Ngài có quyền ban cho sự sống.

Câu 3.—**Phải có sự sáng.** Ấy là lời phán thứ nhứt của Đức Chúa Trời đã chép trong Kinh-thánh. Lời ấy quý-báu lắm, vì đã đem sự sáng cho thế-gian, lại làm hình-bóng về sự sáng của Chúa đem cho loài người nữa (II Cô 4: 6).

Câu 26.—**Chúng ta hãy làm nên loài người.** Trong các công-cuộc dựng nên của Đức Chúa Trời có sự dựng nên loài người là quý hơn hết. Vì các điều kia Chúa dựng nên chỉ cốt để cho người dùng.

Đặng quản-trị. Ý Đức Chúa Trời là dựng loài người để cai-trị hết thảy mọi vật trong thế-gian (Hê 2: 8).

LỜI HỎI:

1.—Sáng-thể Ký chép về ban đầu của những sự gì?

2.—Vi có nào người ta phải học đủ cả sách Cựu-ước lẫn Tân-ước?

3.—Vi có nào mỗi người đáng phải lấy

năm chữ thứ nhất trong Kinh-thánh để làm mẫu-mực cho mình?

4.—Vi có nào câu thứ hai nói đất của Đức Chúa Trời dựng nên là vô-hình và trống-không? Những sách nào trong Kinh-thánh đã cắt nghĩa về sự đó?

5.—Khi thế-gian bị hư-hoại, vi có nào không có sự sáng?

6.—Các loài cây cỏ từ đâu mà có lại?

7.—Trong các công-cuộc dựng nên, sự nào là quý hơn hết?

8.—Khi thấy bà Ê-va, thì ông A-đam có nói về bà thế nào?

9.—Bà Ê-va làm hình-bóng về Hội-thánh thế nào?

10.—Trong giao-ước thứ nhất của Đức Chúa Trời với loài người, ông bà A-đam có những trách-nhiệm gì?

21 AOUT, 1932

SỰ BAN ĐẦU CỦA TỘI-LỖI

(Sáng-thế Ký 2: 15-17; 3: 1-8)

CÂU GỐC:—Hãy thức canh và cầu-nguyện, kéo các người sa vào chước cám-dỗ

(Ma-thi-ơ 26: 4)

LỜI MỞ ĐÀNG

KINH-THÁNH không chép rõ cái khởi-điểm tội-lỗi ra thế nào. Trong đoạn ba chỉ chép về sự tội-lỗi ban đầu của loài người mà thôi. Song, trước lúc ấy, đã có tội-lỗi rồi. Ta dám nói như thế, là vì đã học về thế-gian, mà Chúa dựng nên, từng bị hư-hoại trong cơn nóng-giận của Ngài. Kinh-thánh chép về Sa-tan, là thiên-sứ đã phản-ngịch Đức Chúa Trời; bởi đó làm cho ta tưởng rằng sự tội-lỗi đã khởi-sự từ khi Đức Chúa Trời đuổi nó và các quỷ-sứ nó ra khỏi nước thiên-đàng. Lúc ấy, ta biết rằng sự kiêu-ngạo là cội-rễ của tội-lỗi vậy. Ma-quỉ muốn cướp ngôi của Đức Chúa Trời (Ê-xê 28: 16-17). Đoạn ba, sách Sáng-thế Ký, đã chép rõ về ban đầu người ta phạm tội là thế nào.

I.—Con rắn và ma-quỉ

Kinh-thánh có chép về con rắn rằng: «Trong các loài thú đồng, con rắn là giống quý-quyết hơn hết.» Ta tưởng con rắn ban đầu đó cũng đứng được và có lẽ đẹp-đẽ lắm, chắc cũng biết nói. Nếu như con rắn ta thấy hôm nay, thì ghê-gớm cho bà Ê-va lắm, và chắc bà không chịu đến gần nó đâu. Từ lúc Đức Chúa Trời rửa-sả đất, con rắn phải chịu bò bằng bụng và ăn bụi đất trọn đời (Sáng 3: 14). Trước khi chưa có tội-lỗi, chắc nó không phải như vậy.

Con rắn đến nói cùng bà Ê-va như vậy, là vì ma-quỉ đã dùng nó. Sa-tan dùng con rắn để lừa-dối phỉnh-gạt bà Ê-va. Từ lúc ấy, những việc ma-quỉ đều lừa-gạt loài người. Trong sách Khải-huyền

20: 2, Thánh Giăng có xưng nó rằng: «Con rồng, tức là con rắn đời xưa, là ma-quỉ, là Sa-tan.»

Trong sách Ê-xê-chi-ên 28: 13-15 có chép về ma-quỉ trước khi phạm tội như vậy: «Người vốn ở vườn Ê-đen, là vườn của Đức Chúa Trời. Người đã có đầy mình mỗi thứ ngọc báu... Người là một Chê-ru-bin được xức dầu đấng che-phủ.. Đường-lối người trọn- vẹn từ ngày người được dựng nên cho đến lúc thấy sự gian-ác trong người.»

II.—Sự cám-dỗ bà Ê-va

Ma-quỉ cám-dỗ bà Ê-va theo sự đối-trá của nó mà hồ-nghi lời Đức Chúa Trời. Sa-tan nói rằng: «Mà chi! Đức Chúa Trời há có phán.» Nó làm cho bà hồ-nghi lời Đức Chúa Trời, cả lẽ thật lẫn sự yêu-thương của Ngài. Ta dám nói ma-quỉ tỏ ra ý nó có suy-nghĩ rằng: Ở đây có một cây biết đều thiện và đều ác. Đức Chúa Trời biết hề ngày nào người ăn trái cây đó, thì người sẽ giống như Đức Chúa Trời. Nếu Chúa thật là Đấng yêu-thương, thì Ngài muốn cho loài người được có mọi đều như Ngài. Đó là sự suy-nghĩ của ma-quỉ. Khi nghe theo sự cám-dỗ, thì bà Ê-va có thêm lời mình vào lời Đức Chúa Trời mà rằng: «Song về phần trái của cây mọc giữa vườn, Đức Chúa Trời có phán rằng: Hai người chẳng nên ăn đến, và cũng chẳng nên đá-dộng đến, e khi hai người phải chết chẳng.» Bà Ê-va có thêm những lời này: «và cũng chẳng nên đá-dộng đến.» Lúc bấy giờ dễ lắm cho bà nói sai lời Đức Chúa Trời như thế, vì bà

đã chịu nói chuyện với ma-qui. Ấy cũng như bà Ê-va đã chơi với sự cám-dỗ vậy.

Sự cám-dỗ của bà Ê-va đó có ba phần: «Người nữ thấy trái của cây đó lại đẹp mắt và quý vì để mở trí-khôn.» Thánh Giăng có nói về sự cám-dỗ rằng: «Vi mọi sự trong thế-gian, như sự mê-tham của xác-thịt; mê-tham của mắt, và sự kiêu-ngạo của đời, đều chẳng từ Cha mà đến, nhưng từ thế-gian mà ra.» Quả vậy, sự cám-dỗ mà bà Ê-va đã gặp thật như lời ấy. Ma-qui cũng dùng ba cách ấy mà cám-dỗ Đức Chúa Jê-sus trong nơi vắng-vẻ; song Ngài khác hẳn với bà Ê-va, là Ngài không bằng lòng nghe tiếng của ma-qui. Sự cám-dỗ chưa phải là tội, nhưng chịu theo lời cám-dỗ đó mới là tội thật. Đức Chúa Jê-sus được thẳng, vì Ngài đã dùng lời Đức Chúa Cha mà đuổi ma-qui lui ra khỏi Ngài. Hiện ở thế-gian này, ma-qui cũng cứ dùng ba cách ấy mà cám-dỗ loài người như lúc ban đầu.

IV.— Quả-hiệu của tội-lỗi

Bà Ê-va đã bị ma-qui dỗ-dành, nên đã vấp mà phạm tội. Vì tội của bà Ê-va, mà sanh ra lắm điều tội-ác hơn nữa. A-đam không bị ma-qui dỗ-dành, ông biết điều mình sẽ làm là tội. Dầu vậy, ông cứ làm, vì bà Ê-va cám-dỗ ông. Trong sách Ti-mô-thê có chép rằng: «Lại không phải là A-đam đã bị dỗ-dành, bèn là người đờn-bà đã bị dỗ-dành mà sa vào tội-lỗi.» Khi hai ông bà biết được điều thiện và điều ác, thì mới có lương-tâm. Lúc trước hai ông bà không hiểu về sự ác, nên không có lương-tâm để chỉ-dạy cho người biết điều ác và điều thiện. Sau khi đã phạm tội rồi, hai vợ chồng ấy không nhờ-cậy Chúa nữa. Ông bà ấy không còn vui-vẻ để giao-thông với Đức Chúa Trời. Lúc bấy giờ hai người chỉ có lòng sợ-hãi mà thôi. Người đã lấy lá cây vả đóng khố che thân; khi nghe tiếng của Đức Chúa Trời, lại ẩn mình nơi bụi cây. Hai ông bà dùng lá che thân chỉ về người ta trong đời này hay dùng công-dức của mình để che-đậy tội-lỗi.

V.— Đức Chúa Trời nhin-nhục

Đức Chúa Trời chưa đi đến vườn Ê-đen, Ngài cũng biết hai ông bà ấy đã phạm tội rồi. Vì Ngài là Đấng biết hết mọi sự, song Ngài không lấy lòng giận mà đối-đãi với hai người. Ngài chỉ buồn-rầu và thương-

tiếc cho số-phận của loài người mà thôi. Giê-hô-va Đức Chúa Trời kêu A-đam mà phán hỏi rằng: «Người ở đâu?» Chúa kêu hai người đến để hỏi vì sao mà phạm tội, rồi Ngài mới xét-đoán. Song trong sự xét-đoán ấy, ta thấy Ngài lại có tỏ lòng nhơn-từ và thương-yêu đối với loài người nữa. Người ta đã phạm tội, thì đáng chịu hình-phạt, đó là phải lắm. Nhưng khi Đức Chúa Trời tuyên-bố về hình-phạt ấy, thì Ngài cũng phán lời hứa về sự chuộc tội nữa. Lương-tâm làm cho người biết sợ và biết đến Chúa là Đấng yêu-thương. Trước khi phạm tội, hai người đã suy-nghĩ về Chúa là Đấng khôn-ngoan, và quyền-phép, nhưng sau khi có lòng ác rồi, lại biết Ngài là Đấng nhơn-từ có lòng bác-ái.

VI.— Sự đoán-xét

Trước hết Đức Chúa Trời đoán-xét con rắn và Sa-tan. Con rắn bị hình-phạt như trên đã nói rồi, còn Sa-tan thì Chúa có phán rằng dòng-dõi người đờn-bà sẽ nghịch-thù nó luôn và sẽ giày-đạp đầu nó khi sau hết. Dòng-dõi người đờn-bà đây chỉ về Đức Chúa Jê-sus và Ngài là Đấng sẽ thẳng ma-qui. Ma-qui sẽ bị quăng xuống vực sâu ngàn năm, và sau sẽ bị quăng xuống hồ lửa đời đời (Khải-huyền 20:).

Người nữ đã bị đoán-xét như lời ghi- chép trong câu 16. Và, vì đó, đất cũng bị rửa-sả nữa. Còn người đờn-ông thì phải chịu khó-nhọc mới có vật đất sanh ra mà ăn.

VII.— Giao-ước của Đức Chúa Trời với A-đam

Trong đoạn 3: 14 và các câu sau có chép về sự giao-ước của Đức Chúa Trời với loài người. Những lời ấy chỉ về lúc loài người mới phạm tội, cho đến một ngàn năm bình-yên, khi Đức Chúa Jê-sus sẽ cai-trị trong thế-gian này. Sự giao-ước ấy có sáu điều như sau:

- 1.—Con rắn bị rửa-sả.
- 2.—Lời hứa về Đấng Cứu-Thế.
- 3.—Người nữ bị xét-đoán.
- 4.—Đất bị rửa-sả.
- 5.—Làm công-phu khó-nhọc.
- 6.—Sự chết về phần xác.

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU

Sáng 2: 16.—Người được tự-do ăn các thứ hoa quả trong vườn. Ấy là lời phán

thứ nhất của Đức Chúa Trời cho loài người. Cõi đó, ta thấy Ngài không cấm người, nhưng Ngài đã lo cho người ta được thêm nhiều phước.

Câu 17.—**Nhưng về cây biết điều thiện và điều ác.** Có một cây sự sống và có một cây sự chết (Sáng 2: 9). Ý Đức Chúa Trời muốn cho người ta chỉ biết điều thiện mà thôi. Nhưng, vì có ma-quỉ, bèn có tội-lỗi vào thế-gian; lại nữa, vì loài người có tự-do, nên Đức Chúa Trời phải để cây ác trong vườn nữa. Loài người có tự-do mà chọn-lựa, hoặc muốn theo Đức Chúa Trời hay là theo ma-quỉ. Đức Chúa Trời lúc ấy cũng như bây giờ, Ngài không ép-buộc ai phải theo Ngài.

Thì chớ hề ăn đến. Ấy là một lời răn dạy rất thương-yêu của Chúa, vì Ngài đã biết trước, nếu họ ăn trái cây biết điều thiện và điều ác thì sẽ bị hại.

Chắc sẽ chết. Loài người bị đuổi ra khỏi mặt Chúa liền. Thiệt đó là một điều khó-khản hơn hết, còn sự chết về phần xác thì họ gặp sau.

Đoạn 3: 5.—**Sẽ như Đức Chúa Trời.** Ma-quỉ nói một cách như Chúa không muốn loài người giống như Ngài, nhưng thiệt đó là ý của Ngài vậy.

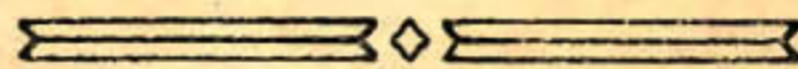
Câu 7.—**Mắt hai người đều mở ra.** Mắt hai người thật mở ra, nhưng không

phải theo lời ma-quỉ đã nói. Ma-quỉ nói sẽ được phước, song từ đó loài người chỉ gặp sự hại và sự chết mà thôi.

Câu 8.—**Nghe tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đi ngang qua vườn.** Trong vườn Ê-den, điều quý hơn hết là loài người được giao-thông với Đức Chúa Trời.

LỜI HỎI:

- 1.—Tội-lỗi vào trong thế-gian bởi tại ai?
- 2.—Vì sao nói vậy?
- 3.—Vì có nào người ta có thể tưởng con rắn lúc ban đầu đứng được?
- 4.—Trước khi ma-quỉ phạm tội, nó ở đó và làm thế nào?
- 5.—Ma-quỉ cám-dỗ bà Ê-va bởi cách nào?
- 6.—Trong sự gặp cám-dỗ, bà Ê-va, Đức Chúa Jê-sus và loài người hôm nay giống nhau thế nào?
- 7.—Vì có nào Đức Chúa Jê-sus đã thắng sự cám-dỗ của ma-quỉ?
- 8.—Tội-lỗi của hai ông bà A-đam đã kết-quả thế nào?
- 9.—Khi Đức Chúa Trời biết hai người đã phạm tội rồi, thì Ngài đối-dãi với họ ra sao?
- 10.—Tại vườn Ê-den, phước nào là quý hơn hết cho loài người?
- 11.—Trong đời người ta, cái gì đáng xưng là quý hơn hết?



28 AOUT, 1932

ÔNG ÁP-RAM ĐƯỢC ĐỨC CHÚA TRỜI KÊU-GỌI

(Sáng-thế Ký 12: 1-9)

CÂU GỐC:—Người sẽ thành một nguồn phước

(Sáng-thế Ký 12: 2)

LỜI MỞ ĐÀNG

BÀI học này dạy về lúc ban đầu của đời thứ tư, kể từ khi Đức Chúa Trời dựng nên thế-gian. Đời này kêu là đời ưng-hứa. Đời thứ nhất là đời người ta đương ở vườn Ê-den; đời thứ hai là từ khi người ta bị đuổi ra khỏi vườn cho đến khi nước lụt; còn đời thứ ba thì từ khi ông Nô-ê ra khỏi tàu vuông cho đến lúc Đức Chúa Trời kêu-gọi ông Áp-ram.

Đức Chúa Trời lập giao-ước Ngài với Áp-ram. Chúa hứa cho Áp-ram và dòng-dõi ông sẽ hưởng cơ-nghiệp của Ngài. Trong khi dòng-dõi ông đến xứ Ê-díp-tô,

thì đã mất phước, lại không có một sự giao-ước của Đức Chúa Trời ban cho. Vả, đến khi sau, là lúc người ta bị cai-trị bởi luật-pháp, thì lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ram và dòng-dõi ông mới không bị bãi-bỏ. Đức Chúa Trời đã ban luật-pháp ấy để dạy-dỗ và quả-trách dân-sự «cho đến chừng nào người của dòng-dõi đến, là người mà lời phán hứa đã hứa cho» (Ga 3: 19-29; 4: 1-7).

Các đời và giao-ước khác nhau, nhưng ta có thể nói rằng cái đời ưng-hứa đã hết trong khi có luật-pháp của Đức Chúa Trời ban ra bởi tay Môi-se. Nhưng lời giao-ước

ấy cũng chưa xong và sẽ không xong cho đến lúc người Y-sơ-ra-ên trở về xứ mình; Đức Chúa Jê-sus sẽ cầm quyền cai-trị và người Giu-đa sẽ xưng Ngài là Đấng Mê-si.

I.—Đức Chúa Trời hiện đến với Áp-ram

Khi suy-nghĩ những lời trong đoạn 12 : 1, chắc lòng ta tưởng Đức Chúa Trời đã hiện đến cùng Áp-ram một lần. Trước khi bị người Giu-đa giết, Thánh Ê-tiên có giảng cho họ rằng: «Đức Chúa Trời vinh-hiền đã hiện ra cùng tổ chúng ta là Áp-ra-ham, khi người còn ở tại Mê-sô-bô-ta-mi, chưa đến ở tại Cha-ran.» Theo ý-tưởng của loài người, thì Đức Chúa Trời hiện đến cùng người ta là một điều khó hiểu lắm. Song, theo sử-ký của thế-gian, thì từ lúc ban đầu Đức Chúa Trời đã hiện đến với người trong khi có sự khốn-khó. Ta không thể biết Ngài hiện đến với Áp-ram cách nào, nhưng theo lời của Thánh Ê-tiên, thì ta hiểu rằng Ngài có tỏ vinh-hiền mình, đến nỗi Áp-ram phải tin Ngài, và cảm-biết những sự thờ-lạy hình-tượng, như những người xung-quanh ông thường làm, là không xứng-đáng.

Sau khi Đức Chúa Trời hiện đến với Áp-ram, cha và cả nhà ông đều lia-bỏ xứ mình mà đi đến một chỗ kêu là Cha-ran. Chỗ ấy nằm về phía bắc và cách xa thành Giê-ru-sa-lem chừng ba trăm cây số. Họ đến Cha-ran và lập gia-cư tại đó. Nhưng họ làm như thế là không vâng lời Đức Chúa Trời cho trọn. Cha của Áp-ram, là Tha-rê, đã qua đời tại chỗ ấy. Khi Tha-rê qua đời rồi, thì Chúa lại hiện đến và phán-dạy Áp-ram phải lia khỏi xứ và nhà mình. Chúa phán như vậy, vì Ngài đã biết rằng nhà ông sẽ cứ ngăn-trở ông hoai. Vậy, ta nên biết rằng nếu đời mình có điều gì ngăn-trở làm trọn ý Chúa, thì ta phải lập-tức lia xa điều ấy. Như vậy, Chúa mới ban phước cho được.

II.—Giao-ước có bảy phần

Đức Chúa Trời muốn ban phước cho cả thế-gian. Vậy nên Ngài đã lựa-chọn Áp-ram làm một dân, và bởi dân của Ngài lập ra, Ngài sẽ làm cho cả loài người được phước. Đức Chúa Trời phán: ai chúc phước cho dân Ngài thì sẽ được phước, và ai rủa-sả người ấy, thì sẽ bị rủa-sả.

Trong giao-ước của Đức Chúa Trời với Áp-ram có bảy lời hứa như sau này :

1.—«Ta sẽ làm cho ngươi nên một dân lớn.»

Lời ấy đã được ứng-nghiệm trong cả hai phần: Theo dòng-dõi ông về phần xác, thì dòng-dõi đến nỗi kẻ không biết được (Sáng 13 : 16). Và về phần thiêng-liêng, nghĩa là mấy người tin theo Đức Chúa Jê-sus-Christ, là dòng-dõi ông Áp-ram về phần thiêng-liêng, thì nhiều như các ngôi sao trên trời vậy.

2.—«Ta sẽ ban phước cho ngươi.»

Ấy cũng chỉ về cả vật-chất lẫn thiêng-liêng. Ông ấy đã trở nên người giàu-có lắm; còn về phần thiêng-liêng, Kinh-thánh chép rằng: «Áp-ram tin Đức Giê-hô-va, thì Ngài kể sự đó là công-bình cho ngươi» (Sáng 15 : 6).

3.—«Cũng làm nổi danh ngươi.»

Điều ấy cũng được ứng-nghiệm rồi. Vì trong cả thế-gian, các nước, các thứ tiếng, người ta không biết ai bằng danh của Áp-ram.

4.—«Và ngươi sẽ thành một nguồn phước.»

Khi ông còn sống, lời ấy cũng đã được ứng-nghiệm, song khi Đức Chúa Jê-sus-Christ giáng-sanh, lại được ứng-nghiệm rõ-ràng hơn. Thánh Phao-lô đã chép về sự chuộc tội rằng: «Hầu cho phước lành ban cho Áp-ra-ham, nhờ Đức Chúa Jê-sus-Christ mà được rải khắp trên dân ngoại» (Ga 3 : 14).

5 và 6.—«Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước ngươi, rủa-sả kẻ nào rủa-sả ngươi.»

Điều ấy cũng đã ứng-nghiệm cho người và cho các dân-tộc nữa. Xem sử-ký thế-gian, thấy rõ rằng nước nào đã giúp-đỡ dân Y-sơ-ra-ên thì được phước lắm, còn dân nào đã bắt-bớ người Y-sơ-ra-ên thì chỉ bị khốn-khó và rủa-sả mà thôi.

7.—«Các chi-tộc nơi thế-gian sẽ nhờ ngươi mà được phước.»

Lời hứa ấy chỉ về Đức Chúa Jê-sus-Christ đã làm việc chuộc tội cho loài người trong cả thế-gian. Thật vậy, Đấng Christ đã làm trọn việc chuộc tội rồi. Thế-gian cũng là một chỗ rất tốt cho loài người ở; nhưng ai biết nhờ-cậy Đức Chúa Jê-sus và ơn cứu-chuộc của Ngài, thì được phước nhiều hơn những người khác. Hết thấy mọi người trong thế-gian đều nhờ Ngài mà được phước, song tiếc

họ không lo nhận Ngài làm Cứu-Chúa.

III.—Áp-ram tới xứ Pha-lê-tin

Sau khi Tê-ra qua đời, Áp-ram vâng theo lời Chúa đi đến xứ mà Ngài đã phán-biểu. Ông có đến nơi cây dẻ-bộp của Mô-rê, tại Si-chem. Tại nơi đó, Đức Chúa Trời hiện đến với ông, và ông làm một bàn-thờ cho Ngài. Khi đã hết lòng vâng lời Ngài, Áp-ram mới được thờ-lạy Ngài. Trong khi ông hết lòng nhờ-cậy và vâng lời Ngài, thì ông lại biết giao-thông với Ngài và được nhiều lời hứa của Ngài nữa. Đến khi ông đi ra khỏi xứ Pha-lê-tin và đã mất sự nhờ-cậy Chúa, ông lại gặp cực-khổ thêm hoải.

Hôm nay, Đức Chúa Trời không phán-biểu hết thấy tin-dồ phải đến ở xứ Pha-lê-tin, nhưng Ngài phán-dạy chúng ta phải ở trong ý-muốn Ngài, vâng-theo lời Ngài. Và lúc nào biết mình đang ở đó, thì ta biết mình được thờ-lạy Chúa, giao-thông với Ngài, và sẽ được những lời hứa của Ngài như Áp-ram đã được vậy.

IV.—Giao-ước bền-vững và chắc-chắn

Trong bài học hôm nay, chúng ta thấy nhiều câu đã chép về giao-ước của Đức Chúa Trời với ông Áp-ram. Vì những lời ấy rất quan-hệ cho Áp-ram, dân Y-sơ-ra-ên và cả thế-gian, nên Ngài muốn nhắc lại. Lại bởi có ông, nên Đức Chúa Trời đã hiện đến với Áp-ram nhiều lần. Mỗi lần hiện đến, Ngài có cắt nghĩa rõ hơn về sự giao-ước ấy (Sáng 13:14-18; 15:1-21; 17:4-8; 22:15-24).

CẮT NGHĨA NHỮNG CÂU KHÓ HIỂU

Sáng 12:1—**Mà đi đến xứ ta đã chỉ cho.** (Xem Hê 11:8).

Câu 2—**Ta sẽ ban phước cho người.** Vì A-đam, thế-gian bị rửa-sả; nhưng bởi dòng-dõi Áp-ram, loài người sẽ được lại những phước-bánh của A-đam ban đầu.

Câu 4—**Lót đồng đi với người.** Đó, ta thấy Áp-ram dường như không vâng trọn lời Chúa, và có lẽ Lót nói mình cũng chỉ muốn theo ý Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể tưởng vậy, vì bởi lời Áp-ram đã cầu-nguyện cho Lót khi thành Sô-đôm bị hủy-phá bởi Đức Chúa Trời. Nhưng Chúa đã tỏ ý Ngài đối với Áp-ram khi Lót chia ra khỏi ông.

LỜI HỎI:

- 1.—Đời của Áp-ram, gọi là đời gì?
- 2.—Các đời trước đó là đời gì?
- 3.—Đời ưng-hứa đây đã hết từ lúc nào? Và lúc ấy giao-ước đã được trọn chưa? Vì sao vậy?
- 4.—Nếu có lời hứa, vì có nào lại còn có luật-pháp?
- 5.—Đức Chúa Trời hiện đến với Áp-ram ở đâu? Và thế nào?
- 6.—Sự giao-ước của Đức Chúa Trời với Áp-ram là gì?
- 7.—Vì có nào họ ở tại Cha-ran? Đó có phải là ý Đức Chúa Trời không?
- 8.—Sao Áp-ram được làm một dân lớn?
- 9.—Người nào hoặc dân nào rửa-sả dân Y-sơ-ra-ên thì bị sự gì?
- 10.—«Các chi-tộc nơi thế-gian sẽ nhờ người mà được phước» chỉ về gì?

TIN-TỨC (Tiếp theo)

Về hai Hội-đồng Faifoo và Dalat.—Về hai Hội-đồng này, bôn-báo chưa nhận được tờ trình gửi tới. Dầu vậy, cũng xin cho độc-giả hay về tin Hội-đồng Mậu-hội ở Dalat: Nhóm từ 16 đến 24 Juin. Sáng và chiều ngày khai-hội, ông mục-sư R. A. Jaffray có ghé lại Dalat mà giảng về công-việc Chúa ở Nam-dương quần-đảo.

Ngày 19 Juin, làm lễ phong chức mục-sư cho hai ông R. M. Chrisman, ở Ubon, và F. G. Grobb, ở Vientiane. Ông Funé dâng mình cho Chúa, đi giảng cho các chi-phái ở thượng-du Bắc-kỳ. Ông bà W. A. Pruett sẽ dời đi Nam-dịnh thay ông Funé. Ông bà J. D. Olsen được cử đi Qui-nhơn thay ông Pruett. Ban trị-sự

mới như vậy: ông E. F. Irwin, chủ-nhiệm; các ông Ellison, Jackson (H. A.), Roffe, Smith (H. C.), Stebbins, và Voth.

Bôn-báo có chụp ảnh hội-đồng Faifoo, nhưng không in, vì nhỏ quá, không rõ.

Vang-dậy tiếng chuông kết-hôn.—Bôn-báo nhận được hỉ-thiếp báo rằng: Cô EDITH MARGARET FROST và mục-sư JOHN DRANGE OLSEN đã làm phép cưới tại thành Saint Paul, ở xứ Minnesota bên Mỹ, bữa 3 Juin 1932. Vậy xin có lời trân-trọng chúc mừng hai ông bà bách niên giai-lão, cùng nhau đồng đi bước đường hầu việc Chúa ở xứ Đông-Pháp, được Chúa cử ban nhiều ơn-phước, hái bông thơm trái ngọt trong vườn thiêng-liêng.—T. K. B.